KINH KIM CƯƠNG ĐỈNH

PHẦN 4

Bản cập nhật tháng 7/2014

http://kinhmatgiao.wordpress.com

Mật Tạng Bộ 1 _ No. 874 (Tr. 310 _ Tr. 317)

KIM CƯƠNG ĐỈNH
NHẤT THIẾT NHƯ LAI CHÂN THẬT NHIẾP ĐẠI THỪA HIỆN CHỨNG ĐẠI GIÁO VƯƠNG KINH
QUYỂN THƯỢNG

Hán dịch: Đời Đường, Đặc Tiến Thí Hồng Lô Khanh, Tam Tạng Sa Môn BẤT KHÔNG Phụng chiếu dịch.

Sưu tập Thủ Ấn, phục hồi Phạn Chú và việt dịch : HUYỀN THANH.

THÂM DIỆU BÍ MẬT KIM CƯƠNG GIỚI TAM MUỘI GIA TU TẬP DU GIÀ NGHI (Thứ Nhất)

_Cúi lạy **Bạc Già Phạm** (Bhagavān)
Đại Tỳ Lô Giá Na (Mahā-vairocana)
Hay vì **Tự Tại Vương** (Īśvara-rāja)
Diễn nói **Kim cang Giới** (Vajra-dhātu)
Pháp Công Đức vô biên,
Ba mươi bảy **Trí Thân** (Jñāna-kāya).
Nay con quy mệnh lễ

_Du già Đại Giáo Vương,
Mở diễn một **Phật Thừa** (Buddha-yāna)
Ba Mật Tạng (của) **Như Lai** (Tathāgata)
Là **Thừa** (Yāna) không thể sánh
Tối thượng tối đệ nhất
Chỉ **Phật Bất Cộng Trí** (Buddha-āveṇika-jñāna:Trí chẳng chung cùng của Phật)
Tương ứng thành Phật Môn.
Vì khiến kẻ ngộ nhập
Viên thành **Pháp Thân** (Dharma-kāya) tịnh
Bạc Già Phạm ba đời
Đều y Pháp này thành
Vì thế các Như Lai
Kính lễ **Pháp Như Lý** (Yathrātha-dharma)

_Nếu người tu Pháp này
Khéo trụ địa vị Thầy
Đủ **Tộc Tính** (Kula) Tướng tốt
Tâm điều nhu (mềm dịu khéo dạy) ngay thẳng
Thường dùng **Giới** (Śīla) nghiêm thân
Thanh tịnh (Pariśuddha), không sợ hãi
Nơi **Thừa Bí Mật** (Guhya-yāna) này
Quyết định tin hiểu sâu.
Nghĩa: **Không** (Śūnya), **Hữu** (Bhava), **Tính** (Prakṛti), **Tướng** (Lakṣaṇa)
Tùy Hóa Đạo nên biết
Trụ phương tiện **Đại Bi** (Mahā-kāruṇa)
Dẫn tiếp các Quần Phẩm

Hay khiến kẻ dựa nương
Được ngay Như Lai vị (địa vị của Như Lai)

_Đã vào **Kim Cương Giới** (Vajra-dhātu)
Đại Đàn Trường (Mahā-maṇḍala) của Phật
Sinh tại nhà Như Lai
Nhận **Quán Đỉnh Pháp Vương** (Abhiṣeka-dharma-rāja)
Chiêm lễ nơi Thánh Hội.
Chẳng bỏ **Tâm Bồ Đề** (Bodhi-citta)
Cung kính **A Xà Lê** (Ācārye)
Ngang bằng tất cả Phật
Bao nhiêu lời Giáo Hối
Đều nên phụng hành hết

_Ở các nơi Đồng Học
Chẳng sinh Tâm giận ghét
Kính như **Kim Cương Thủ** (Vajra-pāṇi)
Cho đến các **Hàm Thức** (Satva)
Cũng chẳng nên khinh não
Các hàng **Trời** (Deva), **Thần** (Devatā), **Tiên** (Ṛṣī)
Đều chẳng nên lễ phụng
Đừng hủy báng, khinh miệt.
Nhìn thấy các Pháp Cụ
Chẳng cỡi lên, đùa nghịch
Vì trong Đại Trường này
Chư Thánh đã cầm giữ

_Gần gũi theo Đạo Sư (A Xà lê).
Được truyền dạy **Quán Đỉnh** (Abhiṣeka)
Hiểu rỏ **Tam Ma Gia** (Samaya: Bản thệ)
Các **đạo Chính Biến Tri** (Samyaksaṃbuddha-mārga)
Thông minh, **giáo** (śāstra) : rộng, lược
Thân, Ngữ, Tâm **Du Già** (Yoga)
Khéo giải **Man Đa La** (Maṇḍala)
Hiểu nghĩa thật **Chân Ngôn** (Mantra)
A Xà Lê như vậy.
Chư Phật đã khen ngợi
Ngang bằng **Bạc Già Phạm**
Đại Tỳ Lô Giá Na (Bhagavān-mahā-vairocana)
Tức là các **Như Lai** (Tathāgata)
Kim Cương (Vajra-satva), **Liên Hoa Thủ** (Padma-pāṇi)
Hư Không (Ākāśa-garbha), **Xảo Nghiệp Tôn** (Viśva-karma-nātha).
Cho nên thủ hộ chắc
Bản Tôn Tam Muội Gia
Vượt hơn thân mệnh nhiều.

_Thường tu Nghi Thức ngoài
Tắm, giặt, nhấm Xỉ Mộc.
Ăn Đậu Khấu, xoa Hương (Gandha:Đồ Hương)

Khiến thân, miệng thơm sạch.
Chẳng nên ăn Huân tạp
Rượu, thịt, các tàn xúc.
Ăn uống lìa các lỗi
_Chẳng nên cùng người khác
Ngồi nằm chung một giường.
Thường Khiết thân (thân tinh khiết), áo sạch .
Khiến trong ngoài không dơ.
Chẳng để móng tay dài
Ở bẩn là nghịch Giáo
_Bên trong là **sáu căn** (Saḍ-āyatana)
Dùng **ba Mật** (tri-guhya) tịnh trừ
Ngoài: là các Nghi Tắc
Pháp (Dharma), **nước thơm** (Argha), **quán đỉnh** (Abhiṣeka)
Hoặc **ngoại duyên** chẳng đủ
Liền dùng Pháp Tĩnh Trừ
Lý Thú (Nāya) này tối thắng
Nên quán niệm chữ **Lam** (𑖪 – RAṂ)
Tĩnh trừ dơ trong ngoài
Chẳng tắm thành tắm gội
Rửa sạch ngang **Hư Không** (Gagana)
Không dơ như **Pháp Giới** (Dharma-dhātu)
Lý, Sự đều tương ứng
Như Lai rất khen ngợi
Sơ (ban đầu) khởi **Kim Cương Định** (Vajra-samādhi)
Hiểu (Giác) khắp các Quần Phẩm
Đi tức Như Lai đi
Ngồi tức Như Lai ngồi
Các Nhập, không ngôn thuyết
Một **Âm** (Ghoṣa) tràn Pháp Giới
Lợi lạc hết không sót
Thế Gian: Khí, Hữu Tình (2 loại Thế Gian)
Nghiêm tịnh **cõi Như Lai** (Tathāgata-kṣetra)

_ Nếu Ta, Người (Tự Tha) dựng lập
Thắng Đại Mạn Noa La
Chọn đất kết Đàn Trường
Như Kinh đã diễn nói
Trên bày lọng Trời đẹp
Chung quanh đều treo phan
Chuỗi ngọc, chuông, vật đeo…
Xen kẽ rũ cúng dường.
Bày vị trí các Tôn.
Rải hoa mùa trang nghiêm.
Hiền Bình (Pūrṇa-ghaṭa), nước **Át Già** (Argha)
Hương đốt, hoa, hương xoa
Đèn sáng, thức ăn uống
Đầy vật: vàng, bạc, báu
Lại dùng nhóm **Tịnh Phạm**.

Chân Ngôn, rải nước thơm.
Lại dùng hương đốt xông.
Bày biện bốn bên Đàn
Thành tâm làm **cúng dường** (Pūja).

_Người tu hành Du Già
Mỗi khi vào **Đàn Trường** (Maṇḍala)
Quán Thân như **Phổ Hiền** (Samanta-bhadra)
Chân đạp lên hoa sen.
Đến nơi cửa Tinh Thất
Đóng cửa xưng chữ **Hồng** (HŪṂ)
Trợn mắt (Nộ mục) trừ bất tường.
Tức năm thể sát đất.
Kính lễ chân **Thế Tôn** (Bhagavān).
Với **Pháp Nhất Thừa** (Eka-yāna-dharma), **Tăng** (Saṃgha)
_Quỳ thẳng lưng, chắp tay.
Vận Tâm đối chúng Thánh
Khuyến Thỉnh, Nguyện, Hồi Hướng
Bậc đủ Pháp, nên vào
Kim Cương Tam ma địa (Vajra-samādhi)
Chữ **LAM** (𑖨𑖽 _RAṂ) phát **lửa Trí** (Agni-jñāna)
Đốt trừ **Nhân** (Hetu) hư vọng
Tình, Khí ngang hư không
Đều **Như Lý** tác ý
Tâm như **Lý**, thành tựu
Đấy gọi là **Pháp Tính** (Dharmatā)
Pháp an trụ Pháp Vị
Đây gọi là **Pháp Giới** (Dharma-dhàtu)
Lại thêm Thân, Khẩu, Tâm
Thành ba Thân ba Mật.
_Chân Ngôn Hạnh Bồ Tát
Cần phải khéo tu tập
Xoa dầu thơm khắp tay
Lại dùng hương đốt xông
Kết **Tịnh Khí Thế Gian**
Tịch Quang Hoa Tạng Ấn.
Liền dùng tay Định Tuệ (2 bàn tay)

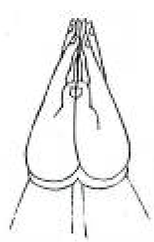

Quán niệm Pháp **Ly Trần** (lìa bụi dơ)
Chân Ngôn xưng như vầy:
"Án, lá nho ba nga đát tát phộc đạt ma"
𑖌𑖼 𑖨𑖕 𑖄𑖢𑖐𑖝𑖾 𑖭𑖨𑖿𑖪 𑖠𑖨𑖿𑖦
OṂ – RĀJA-UPAGATAḤ SARVA-DHARMA

_Tiếp nên tịnh ba nghiệp
Quán Thân vốn trong sạch

Tụng Chân Ngôn Minh này
Được ba nghiệp đều sạch.
Tịnh Thân Chân Ngôn là:
"Án, tát phộc bà phộc, truật đà, tát phộc đạt ma, tát phộc bà phộc, truật độ Hám"

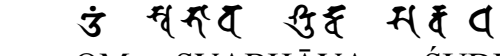

OṂ– SVABHĀVA ŚUDDHA – SARVA DHARMA SVABHĀVA ŚUDDHA-UHĀṂ
Do Chân Ngôn này nên
Thân ấy thành Pháp Khí

_Nơi Hư Không, quán Phật
Tràn đầy như hạt mè

Liền tụng **Biến Chiếu Minh**.
Thấy chư Phật rõ ràng
Quán Phật Chân Ngôn là:
"Khiếm, phộc nhật la đà đổ"

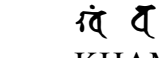

KHAṂ– VAJRA-DHĀTU.

Cảnh giác các Như Lai
Đàn Tuệ (2 ngón út) móc chặt nhau.
Tiến Lực (2 ngón trỏ) cùng vịn nhau.
Đấy gọi là **Khởi Ấn**

"Án – phộc nhật_la để sắt_xá Hồng"

*)OṂ – VAJRA TIṢṬA HŪṂ

Tưởng chữ **Hồng** (_ HŪṂ) tại tim

Biến thành chày Ngũ Trí (Chày Kim Cương có 5 chia)
Nên tưởng trong toàn thân
Hết thảy số bụi nhỏ
Là **Kim Cương Tát Đỏa** (Vajrasatva)
Kim Cương Chưởng duỗi tý (cánh tay)

Toàn thân sát đất lễ
Xả thân khắp Pháp Giới
Phụng hiến **A Súc Tôn** (Akṣobhya: Bất Động Phật)
Lễ hết, thờ chư Phật.
Chân Ngôn là:

"**Án, tát phộc đát tha nga đá, bố tổ, bá tát-tha nẵng dã, đát-ma nẫm, nễ lị-dã đá, dã nhĩ, tát phộc đát tha nga đa, phộc nhật-la, tát-đát phộc, địa sắt-xá, sa-phộc hàm, hồng"**

ओं सर्वतथागत पूजा पस्वनाय आत्मनाम् निर्यात यामि सर्व तथागत वज्रसत्व अधिष्ठ स्वामम् हूँ

OṂ – SARVA-TATHĀGATA-PŪJA PASVANĀYA ATMANĀṂ NIRYĀTA YĀMI – SARVA TATHĀGATA VAJRA-SATVA ADHIṢṬA SVĀMAṂ – HŪṂ**.**

Tiếp tưởng chữ **Đát-Lạt** (त्रः_TRĀḤ)
Báu Kim Cương ở trán
Tưởng thân là hình báu
Số bụi nhỏ trong thân
Tưởng thành **Kim Cương Tạng** (Vajra-garbha)
Toàn thân dùng trán lễ
Kim Cương Chưởng ở Tim.

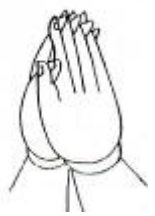

Phụng hiến **Bảo Sinh Tôn** (Ratna-saṃbhava)
Tưởng ở vô biên cõi
Tay cầm mão Ngũ Phật
Rưới tất cả đỉnh Phật.
Chân Ngôn là:

"Án, tát phộc đát tha nga đá, bố nhạ, tị sái ca dã, đát-ma nẫm, nễ lý-dã đá, dã nhĩ, tát phộc đát tha nga đá, phộc nhật-la, la đát-na tị sái tả, sa-phộc hàm, đát-lạc"

ओं सर्व तथागत पूरकेषकय आमम् रक्ष यामे सर्व तथागत वज्र अभिषेय मं त्रः

OṂ– SARVA TATHĀGATA-PŪJA ABHIṢAIKĀYA ATMANĀṂ NIRYĀTA YĀMI – SARVA-TATHĀGATA VAJRA-RATNA ABHIṢIṂCA MAṂ – TRĀḤ.

Quán chữ **Hột Lý** (𑖪𑖽𑖨 _ HRĪḤ) ở miệng
Liền tưởng sen tám cánh
Quán thân là hoa sen
Số bụi nhỏ trong thân
Tưởng thành **Kim Cương Pháp** (Vajra-dharma)
Toàn thân dùng miệng lễ
Kim Cương Chưởng ở đỉnh

Phụng hiến **Vô Lượng Thọ** (Amitāyus)
Tưởng khắp các **Phật Hội** (Parṣad-maṇḍala)
Mà thỉnh **chuyển Pháp Luân** (Dharma-cakra-pravartana)
Chân Ngôn là:

"Án, tát phộc đát tha nga đá, bố nhạ, bát-la phộc đá nẵng dã, đát-ma nẫm, nễ lị-dã đá, dã nhĩ, tát phộc đát tha nga đá, phộc nhật-la, đạt ma, bát-la phộc lý-đá dã, sa-phộc hàm, hột-lý-dĩ "

𑖌𑖾𑖿 𑖪𑖕𑖿𑖩 𑖥𑖨𑖾𑖟𑖾𑖥 𑖦𑖪𑖿𑖩 𑖪𑖕𑖿𑖩𑖨𑖾𑖟𑖾𑖥𑖿𑖟𑖾𑖫𑖿𑖩

"Án, tát phộc đát tha nga đá, bố nhạ, ca ma nê, a đát-ma nam, nễ lị-dã đá, dã nhĩ, tát phộc đát tha nga đá, phộc nhật-la, ca ma, câu lỗ, sa-phộc hàm, A"

ॐ सर्व तथागत पूजकर्मणि आत्मनाम् निर्यात यामि सर्व तथागत वज्रकर्म कुरु मां अः

OṂ– SARVA-TATHĀGATA-PŪJA KARMAṆI ATMANĀṂ NIRYĀTA YĀMI – SARVA-TATHĀGATA VAJRA-KARMA KURU MAṂ – AḤ

_ Tiếp kết **Kim Cương Trì Đại Ấn**

Thiền Tuệ (ngón cái phải và ngón út trái) Đàn Trí (ngón út phải và ngón cái trái) cùng cài ngược

Gối phải sát đất, đặt trên đỉnh
Mỗi mỗi tưởng lễ chân Như Lai
Duỗi ngón từ đỉnh như rũ đai
Từ Tim xoay chuyển như thế múa

Kim Cương Hợp Chưởng đặt trên đỉnh

Chân Ngôn là:

"Án, tát phộc đát tha nga đá, ca dã nhĩ, phộc chỉ tức đá, phộc nhật-la, bát-la noa mỗi, phộc nhật-la, mãn ná nam, ca lỗ di– Án, phộc nhật-la, vẫn"

ॐ सर्व तथागत कय वाक् चित्त वज्र वन्दनाम् करोमि ॐ वज्र वीः

*)OṂ – SARVA TATHĀGATA KĀYA VĀK- CITTA VAJRA VANDANĀṂ KARA-UMI – OṂ VAJRA VIḤ.

_Quy mệnh mười phương **Chính Đẳng Giác** (Samyaksaṃbuddha)
Diệu Pháp (Saddharma) tối thắng, **chúng Bồ Tát** (Bodhisatva-saṃgha)
Dùng **Nghiệp** (Karma) thanh tịnh **Thân** (Kāya) **Khẩu** (Vāc) **Y** (Manas)
Ân cần chắp tay cung kính lễ.

_Vô thủy **luân hồi** (Saṃsāra) trong các Hữu (Bhava: mọi cõi tồn tại)
Nghiệp Thân Khẩu Ý đã sinh tội
Như Phật Bồ Tát đã sám hối
Nay con trần sám cũng như vậy.

_Trong Hạnh Nguyện, chư Phật Bồ Tát
Ba Nghiệp Kim Cương nơi sinh **Phước** (Puṇya)
Duyên Giác (Pratyeka-buddha), **Thanh Văn** (Śrāvaka) với **Hữu Tình** (Satva)
Gom chứa **căn lành** (Kuśala-mūla), tùy hỷ hết

_ Tất cả Thế Đăng ngồi **Đạo Trường** (Maṇḍala)
Hé mở mắt Giác soi ba Hữu
Nay con quỳ gối, trước khuyến thỉnh
Chuyển bánh xe Pháp ***Diệu Vô Thượng***.

_ Hết thảy **Như Lai** (Tathāgata), chủ **Tam Giới** (Trayo-dhātavaḥ)
Bậc đến **Vô Dư Bát Niết Bàn** (Nirupadhiśeṣa-nirvāṇa)
Con đều khuyến thỉnh khiến trụ lâu.
Chẳng bỏ Bi Nguyện cứu **Thế Gian** (Loka, hay Laukika)

_Phước: Sám Hối, Tùy Hỷ, Khuyến Thỉnh.
Nguyện con chẳng mất **Tâm Bồ Đề** (Bodhi-citta)
Chư Phật Bồ Tát trong Diệu Chúng
Thường làm bạn lành chẳng chán bỏ
Lìa nơi **tám nạn** (Aṣṭav-akṣaṇāḥ), sinh không nạn
Túc Mệnh (Purvanivasānusmṛti-jñāna) trụ Trí Tướng nghiêm thân.
Mau lìa ngu mê, đủ **Bi** (Kāruṇa) **Trí** (Jñāna)
Đều hay mãn túc **Ba La Mật** (Pāramitā).
Giàu, vui, sung túc, sinh Thắng Tộc
Quyến thuộc rộng nhiều thường thịnh vượng.
Bốn Vô Ngại Biện (Catasraḥ- pratisaṃvidaḥ), **mười Tự Tại** (Daśa –vaśitā)
Sáu Thông (Saḍ-abhijñāḥ), các **Thiền** (Dhyāna) đều viên mãn.
Như **Kim Cương Tràng** (Vajra-ketu) với **Phổ Hiền** (Samanta-bhadra)
Nguyện tán hồi hướng cũng như vậy.

_ Hành Giả nguyện rộng lớn
Tiếp nên phát Thắng Tâm
Nguyện tất cả **Hữu Tình** (Satva)
Nơi Như Lai xưng tán
Thế Gian (Laukika), **Xuất Thế Gian** (Lokottara)
Mau thành **Thắng Tất Địa** (Jaya-siddhi).
Hợp chưởng Chân Ngôn là:

"An, tát phộc đát tha nga đá, thương tất đá, tát phộc tát đát-phộc nam, tát phộc tất đà dược, tam bá nễ-diễn đam, đát tha nga đá thất-tả, đia để sắt-xá đam"

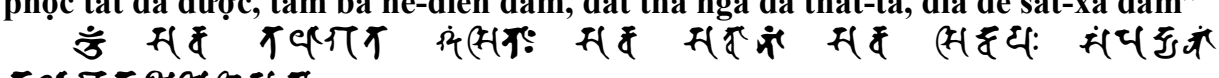

OṂ– SARVA-TATHĀGATA ŚAṂSITĀḤ – SARVA SATVĀNĀṂ SARVA SIDDHAYAḤ, SAṂPADYATNĀṂ , TATHĀGATA-ŚCA ADHITIṢṬANĀ

_ **Ma** (_ MA) **Tra** (_ Ṭ) ở hai mắt (phải, trái)
Nên quán là **Nhật** (Sūrya:mặt trời), **Nguyệt** (Candra:mặt trăng)
Hai tay **Kim Cương Quyền** (Vajra-saṃdhi)

Đều đặt ở cạnh eo

Nhìn khắp Phật trong Không.
Chư Phật đều vui vẻ.
Hết thảy nhóm hương, hoa
Với vật cùng dường khác.
Nhân mắt này nhìn ngắm
Trừ dơ thành thanh tĩnh
Tịch Trừ thành Kết Giới.
Chân Ngôn là:
"Án, phộc nhật-la niết-lý sắt-trí, ma tra"
𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨 𑖦𑖽𑖨𑖿𑖫𑖿𑖨𑖦𑖿𑖨𑖭 𑖫𑖭
OṂ_ VAJRA-DṚṢṬI MAṬ

Phước Trí chắp hai vũ (chắp hai tay lại)
Mười độ (mười ngón tay) giao phần đầu.
Gọi là **Kim Cương Chưởng** (Vajrā-jāli)
Đầu của tất cả Ấn.

Chân Ngôn là:
"Án, phộc nhật-la, nhạ lễ "
𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨 𑖜𑖿𑖫𑖼𑖩𑖿𑖫𑖼𑖩𑖿𑖫𑖼𑖩

Hay tịnh **Thức Thứ Tám** (Ālaya vijñāna)
Cũng trừ mầm (chủng) tạp nhiễm.
Hai chữ **Đát-La** (𑖪_ TRĀ) **Tra** (𑖭_ṬA)
Tưởng đặt ở hai vú
Hai Vũ (2 tay) Kim Cương Phộc

Kéo mở như trục cửa
Chân Ngôn là**:**
"Án, phộc nhật-la, mãn đà, đát-la tra"
𑖌𑖼𑖪𑖕𑖿𑖦 𑖪𑖭
OṂ_ VAJRA ABANDHA TRĀṬ

Liền dùng Kim Cương Phộc
Co Thiền Trí (2 ngón cái) vào chưởng.
Khoảng Đàn Tuệ (2 ngón út) Giới Phương (2 ngón vô danh)
Tưởng triệu **Trí Vô Lậu** (Anāsvara-jñāna)
Nhập vào trong **Tàng Thức** (Ālaya-vijñāna).
Chân Ngôn là:
"**Án, phộc nhật_la phệ xả, ác"**
𑖌𑖼𑖪𑖨𑖿𑖩𑖰 𑖨𑖽
OṂ – VAJRA ĀVIŚA AḤ

Liền dùng Ấn Tướng trước
Tiến Lực (2 ngón trỏ) trụ Thiền Trí (2 ngón cái)

Đem phụ nơi Tâm Môn (cửa trái tim)
Trí Vô Lậu bền chắc
Chân Ngôn là:
"Án, phộc nhật-la, mẫu sắt-trí, tông"
𑖌𑖼𑖪𑖨𑖿𑖫𑖽 𑖩
OṂ– VAJRA-MUṢṬI VAṂ

Hai vũ (2 tay) Kim Cương Phộc.
Dựng Nhẫn Nguyện (2 ngón giữa) như kim.

Vừa tụng Chân Ngôn xong.
Thân mình thành **Phổ Hiền** (Samanta-bhadra)
Ngồi ở trên vành trăng
Trước thân quán Phổ Hiền
Chân Ngôn là:
"Án, tam ma gia, tát-đát-tông"
𑖌𑖾𑖦𑖼𑖪 𑖪𑖦𑖪𑖿𑖪 𑖪𑖽
OṂ – SAMAYA STVAṂ

Hành Giả tiếp nên kết
Đại Thệ Chân Thật Khế
Hai vũ (2 tay) Kim Cương Phộc
Thẳng Đàn Tuệ (2 ngón út) Thiền Trí (2 ngón cái)
Nhẫn Nguyện (2 ngón giữa) giao trong chưởng
Khiến mặt ngón hợp nhau.
Đem hai độ (2 ngón tay) khắc tim.

Gọi là **Đại Bi Tiễn** (Mũi tên Đại Bi)
Dùng bắn Tâm chán lìa (yểm ly)
Tam Muội Gia **Cực Hỷ**
Cảnh giác Bản Thệ Nguyện.
Chân Ngôn là:
"**Án, tam ma gia, hộc, tố đát la, tát-đát-tông"**
𑖌𑖾𑖦𑖼𑖪 𑖪𑖦𑖪𑖿𑖪 𑖪𑖾𑖪𑖿𑖪𑖰 𑖪𑖽
OṂ– SAMAYA HOḤ SURATA STVAṂ

Hành Giả tiếp nên kết
Giáng Tam Thế Đại An (Trailokya-vijaya-mahā-mudra)
Hai vũ (2 bàn tay) **Phẫn Nộ Quyền** (Krodha-muṣṭi)
Đàn Tuệ (2 ngón út) móc kết lưng.
Tiến Lực (2 ngón trỏ) cứng hai lưng.

Thân tưởng **Phẫn Nộ Vương** (Krodha-rāja)
Tám tay với bốn mặt
Cười giận, hình đáng sợ.
Bốn nanh, thân rực lửa
Co chân phải, thẳng (chân) trái.
Đạp **Đại Thiên** (Mahā-deva) với **Hậu** (Uma phi)
Gằn tiếng, tụng Chân Ngôn.

Xoay chuyển ở mười phương.
Chuyển trái là **Tịch Trừ**
Chuyển phải là **Kết Giới**.
Chân Ngôn là:

"**Án, tốn bà nãnh, tốn bà nãnh hồng, ngật-lý hạ-noa, ngật-lý hạ-noa, hồng, ngật-lý hạ-noa bá dã, hồng, a nẵng dã, hộc, bà nga tông, phộc nhật-la, hồng phát tra".**

ॐ शुम्भ निशुम्भ हुँ धृक धृक हुँ धृक अपय हुँ आनय ह्वः भगवं वज्र हुँ फट्

OṂ_ SUMBHANI SUMBHA HŪṂ _GṚHṆA GṚHṆA HŪṂ _ GṚHṆA APAYA HŪṂ_ ĀNAYA HOḤ BHAGAVAṂ VAJRA HŪṂ PHAṬ.

Tiếp kết Kim Cương Liên
Hai vũ (2 tay) Kim Cương Phộc
Thẳng Đàn Tuệ (hai ngón út) Thiền Trí (hai ngón cái)

Tam Muội Gia **Liên Hoa**
Được thành **Liên Hoa Bộ** (Padma-kulāya)
Chủ Tể của Chuyển Luân
Chân Ngôn là:
"Án, phộc nhật-la, bát nạp-ma, tam ma dã, tát-đát-tông"

ॐ वज्रपद्म समय स्त्वं

OṂ– VAJRA-PADMA-SAMAYA STVAṂ

Trong **Thức A Lại Gia** (Ālaya-vijñāna)
Phản ngược mầm **Bồ Đe** (Bodhi)
Tiếp kết **Pháp Luân Ấn** (Dharma-cakra-mudra)
Tồi phá Luân Yểm Ly
Tức Liên Hoa Ấn trước
Đàn Tuệ (hai ngón út) giao thẳng cứng

Đẩy kéo ở tim mình
Liền diệt mầm **Nhị Thừa**
Chân Ngôn là:
"Hồng, tra chỉ, sa-phổ tra dã, ma hạ vĩ la nga, phộc nhật lam, phộc nhật la đà la, tát đế duệ, nẵng thá".

हुँ टक्कि स्फोटय – महा-विराग वज्रं वज्र-धारा सत्येन ष्ठः

HŪṂ ṬAKKI SPHOṬAYA – MAHĀ-VIRĀGA VAJRAṂ VAJRA-DHĀRA SATYENA ṢṬHAḤ.

Tiếp kết **Đại Dục Ấn**
Hai vũ (2 tay) Kim Cương Phộc
Thiền (ngón cái phải) vào hổ khẩu **Trí** (ngón cái trái)

Tùy Tụng mà xuất nhập (ra vào)
Chân Ngôn là**:**
"Án, tố la đá, phộc nhật-lam, nhược, hồng, tông, hốc, tát ma dã, tát-đát-tông"

ཨོཾ སུ་ར་ཏ་ བཛྲཾ ཛཿ ཧཱུྃ་ ཝཾ ཧོཿ – སམཡ་ སྟྭཾ.

OṂ– SURATA VAJRAṂ – JAḤ HŪṂ VAṂ HOḤ – SAMAYA STVAṂ.

Đại Lạc Bất Không Thân
Ấn khế giống như trên

Nguyện khắp các Hữu Tình
Mau chứng **Như Lai Địa** (Tathāgata-bhūmi)
Người tu hành **Du Gia** (Yoga)
Tự thành Trí sâu lớn (Đại thâm)
Mãn **Bồ Đề** (Bodhi) **đại dục** (Mahā-rāga)
Viên thành mầm **Đại Bi** (Mahā-kāruṇa)
Chân Ngôn là:
"Án, ma hạ tố khư, phộc nhật-lam sa đà dã, tát phộc tát đát-phệ tỳ dụ, nhược, hồng, tông, hộc"

ཨོཾ མ་ཧཱ སུ་ཁ་ བཛྲཾ ས་ད་ཡ ས་ཏྭ་ སྟྭཿ ཛཿ ཧཱུྃ་ ཝཾ ཧོཿ

OṂ– MAHĀ-SUKHA-VAJRAṂ SĀDHAYA – SARVA-SATVEBHYAḤ JAḤ HŪṂ VAṂ HOḤ.

Tiếp kết **Triệu Tội Ấn**
Hai vũ (2 tay) Kim Cương Phộc
Duỗi Nhẫn Nguyện (hai ngón giữa) như Kim
Co Tiến Lực (hai ngón trỏ) như câu (móc câu)

Khởi Tâm Đại Bi Mẫn
Đến, đi mà quán tưởng
Triệu các tội Hữu Tình
Ba nẻo ác thân mình
Triệu mọi tội vào chưởng (lòng bàn tay)
Màu đen như mây mù
Đa số là hình Quỷ
Chân Ngôn là:

"Án, tát phộc bá ba, ca lật-sái noa, vĩ thú đà nẵng, phộc nhật- la tát đát-phộc, tam ma dã, hồng nhược"

OṂ_ SARVA-PĀPA AKARṢAṆA VIŚODHANA VAJRA-SATVA-SAMAYA – HŪṂ PHAṬ

Tiếp kết **Tồi Tội Ấn**
Tám Độ (tám ngón tay) cùng cài trong
Nhẫn Nguyện (hai ngón giữa) dựng như trước

Nên quán Chày Độc Cổ
Cần quán thân tướng mình
Biến thành **Giáng Tam Thế** (Trailokya-vijaya)
Gằn tiếng tụng Chân Ngôn
Nội Tâm khởi Từ Bi
Nhẫn Nguyện (hai ngón giữa) vỗ ba lần
Phá các tội Hữu Tình
Đều tịnh trừ ba ác
Chân Ngôn là:

"Án, phộc nhật-la bá ni, vĩ sa-phổ tra dã, tát phộc bá dã, mãn đà nẵng ninh, bát-la mô ngật-sái dã, tát phộc bá ba nga để tỳ dược, tát phộc tát đát-phộc, tát phộc đát tha nga đá, phộc nhật-la tam ma dã, hồng, đát-la tra".

OṂ_ VAJRA-PĀṆI VISPHOṬAYA SARVA-PĀPA BANDHANĀNI PRAMOKṢĀYA SARVA-PĀYAGATEBHYAḤ SARVA-SATVA – SARVA TATHĀGATA-VAJRA-SAMAYA HŪṂ TRAṬ.

Tiếp nên tịnh nghiệp chướng
Khiến diệt nghiệp quyết định
Hai vũ (2 tay) Kim Cương Chưởng
Tiến Lực (hai ngón trỏ) co lóng hai
Thiền Trí (hai ngón cái) đè hai độ (hai ngón trỏ)

Kết **Nghiệp Chướng Trừ** này
Chân Ngôn là:
"Án, phộc nhật-la, yết la-ma, vĩ thú đà dã, tát phộc phộc la noa ninh, một đà tát đế duệ nẵng, tam ma dã, hồng"

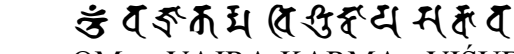

OṂ– VAJRA-KARMA VIŚUDDHĀYA SARVA-AVARAṆANI _ BUDDHA SATYENA SAMAYA HŪṂ.

Tiếp thành **Tâm Bồ Đề** (Bodhi-citta)
Khiến Ta Người viên mãn
Tức như **Liên Hoa Khế** (Padma-mudra)
Dựng Đàn Tuệ (2 ngón út) Thiền Trí (2 ngón cái)

Đặt bên trái đỉnh đầu
Chân Ngôn là:
"Án, tán nại-lỗ đa lê, tam mãn đá bà nại-la, chỉ la ni, ma hạ phộc nhật-lý ni, hồng"

OṂ– CANDRA-UTTARE SAMANTA-BHADRA KIRAṆI – MAHĀ-VAJRIṆI HŪṂ.

Vận tâm các Hữu Tình
Trên trăng, uy Như Lai
Mau thành như **Phổ Hiền** (Samanta-bhadra)
Kinh Du Già đã nói
Nên kết Già Phu Tọa
Chẳng lay động chi tiết
Nên kết **Đẳng Ấn** trì
Hai vũ (2 tay) Kim Cương Phộc
Ngửa đặt ở dưới rốn

Thẳng thân đừng lay động
Lưỡi trụ trên nóc họng

Ngưng thở khiến vi tế (nhỏ nhiệm)
Đế quán (chân thành quán) các **Pháp Tính** (Dharmatā)
Đều do ở tâm mình
Phiền Não (Kleśa), **Tùy Phiền Não** (Upakleśa)
Nhóm: **Uẩn** (Skandha), **Giới** (Dhātu), các **Xứ** (Ātayana)
Đều như huyễn, dương diệm (ảo ảnh do bóng nắng)
Như **thành Càn Thát Bà** (Gandharva-nāgara)
Cũng như vòng lửa xoay
Như tiếng dội trong hang
Như vậy Đế Quán xong
Chẳng thấy ở thân tâm
Trụ **tịch diệt bình đẳng**
Cứu cánh chân thật Trí

Liền quán trong Hư Không
Chư Phật như hạt mè
Tràn đầy Hư Không Giới
Tưởng thân chứng Thập Địa
Trụ ở bờ như **Chân** (như Chân Tế)
Các Như Lai trong Không
Búng tay rồi cảnh giác
Nói rằng: *Thiện Nam Tử!*
Nơi sở chứng của ngươi
*Là **Nhất Đạo** thanh tĩnh*
Kim Cương Dụ Tam Muội
*Với đẳng **Tát Bà Nhược*** (Sarva-jñā: Nhất Thiết Trí)
Còn chưa thể chứng biết
Đừng cho đây là đủ
Nên mãn túc phổ Hiền
Mới thành Tối Chánh Giác
Thân tâm chẳng lay động
Trong Định, lễ chư Phật
Chân Ngôn là:
"Án, tát phộc đát tha nga đa, ba na mãn na nam, ca lỗ nhĩ"

OṂ– SARVA-TATHĀGATA-PĀDA VANDANĀṂ KARA-UMI.

_Hành Giả nghe cảnh giác
Trong Định, lễ khắp xong
Nguyện xin các Như Lai
*Chỉ con nơi **Sở Hành***

_ Chư Phật cùng bảo rằng
Ngươi nên quán tự tâm (tâm của mình)

_Đã nghe lời ấy xong
Như Giáo, quán tâm mình
Trụ lâu, chân thành quán (đế quán sát)
Chẳng thấy tướng tâm mình

Lại tưởng lễ chân Phật
Bạch rằng: *Tối Thắng Tôn!*
Con chẳng thấy tâm mình
Tâm này tướng thế nào?

_ Chư Phật đều bảo rằng
Tướng tâm khó đo lường
Trao cho Tâm Chân Ngôn
Liền tụng "**Triệt Tâm Minh"** (bài chú làm cho tâm sáng suốt thông đạt)
Quán Tâm như vành trăng
Như ở trong sương mù
Như **Lý** chân thật quán (Đế quán sát)
Chân Ngôn là:
"Án, chỉ đa bát-la để phệ đặng ca lỗ nhĩ"
𑖌𑖾𑖰 𑖕𑖿𑖨𑖪𑖽𑖟𑖰𑖫 𑖏𑖵𑖨𑖾
OṂ– CITTA PRATIVEDHAṂ KARA-UMI

_ Tạng Thức vốn chẳng nhiễm
Thanh tịnh không hoen ố
Lâu dài gom **Phước** (Puṇya) **Trí** (Jñāna)
Ví như vành trăng trong
Không **Thể** cũng không **việc**
Liền nói chẳng phải Trăng
Do đủ Phước Trí nên
Tâm mình như trăng đầy
Tâm mừng rỡ vui vẻ
Lại bạch: *Các Thế Tôn!*
Con đã thấy tâm mình
Thanh tịnh như trăng đầy
Lìa các phiền não cấu (bụi nhơ phiền não)
*Nhóm **Năng Chấp*** (Grāka)*, **Sở Chấp*** (Grāhya)

_ Chư Phật đều bảo rằng:
Tâm ngươi vốn như vậy
Vì khách trần che lấp
Tâm Bồ Đề làTịnh
Ngươi quán vành Trăng trong
Được chứng Tâm Bồ Đề
Truyền **Tâm Chân Ngôn** này
Mật tụng mà quán sát
Chân Ngôn là:
"Án, mạo địa tức đá mẫu đà ba na, dạ nhĩ "
𑖌𑖾𑖰 𑖦𑖼𑖨𑖽𑖟𑖰𑖫 𑖪𑖾𑖰𑖏𑖵𑖨𑖾
OṂ – BODHI-CITTAM UTPĀDA YĀMI
Hay khiến vành trăng tim
Tròn đầy hiển sáng rực

_ Chư Phật lại bảo rằng:

Tâm Bồ Đề bền chắc
Lại trao **Tâm Chân Ngôn**
Quán **Kim Cương Liên Hoa.**
Chân Ngôn là:
"Án, tô khất-xoa ma, phộc nhật-la"

OṂ– SUKṢMA VAJRA

Quán Ngũ Cổ Kim Cương Chân Ngôn là:
"Án, để sắt-xá, phộc nhật-la"
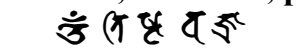
OṂ– TIṢṬA VAJRA
Ngươi ở vành trăng trong
Quán Ngũ Trí Kim Cương
Khiến vòng khắp Pháp Giới
Chỉ một Đại Kim Cương

Tiệm Quảng (lớn dần) **Chân Ngôn** là:
"Án, sa-phả la, phộc nhật la"

OṂ– SPHARA VAJRA

Tiệm Lược (thu nhỏ dần) ***Chân Ngôn*** là:
"Án, tăng hạ la, phộc nhật la"
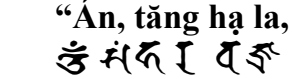
OṂ – SAṂHARA VAJRA

Cần phải biết thân mình
*Tức là **Kim Cương Giới*** (Vajra-dhātu)
Chân Ngôn là:
"Án, phộc nhật-la đát-ma cú hàm"
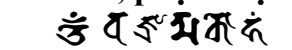
OṂ– VAJRA-ATMAKA-UHAṂ
Thân mình là Kim cương
Bền chắc không nhiễm hoại
Lại bạch chư Phật rằng
*Con là **thân Kim Cương*** (Vajra-kāya)

_ Thời các Như Lai ấy
Liền sắc (ban dạy) Hành Giả rằng:
Quán thân là hình Phật
Lại trao Chân Ngôn này
"Án, dã tha, tát phộc đát tha nga đá, tát-đát tha hám"
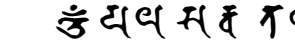
OṂ– YATHA SARVA-TATHĀGATA STATHĀHAṂ

Đã thấy thân thành Phật
Đều đầy đủ tướng tốt

Các Như Lai gia trì
Hiện chứng Trí Thật Tướng
Chẳng sửa tướng Ấn trước
Nên tụng Chân Ngôn này
"Án, tát phộc đát tha nga đá, tị tam mạo địa, niết-lý trà, phộc nhật-la, để sắt tra"

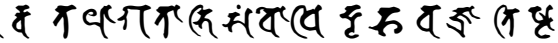

OṂ – SARVA-TATHĀGATA ABHISAṂBODHI DṚḌHA-VAJRA TIṢṬA.

Tiếp kết bốn Như Lai
Tam Muội Gia Khế Ấn
Đều dùng Bản Chân Ngôn
Mà dùng gia trì thân
Bất Động Phật ở tim

Bảo Sinh Tôn ở trán

Vô Lượng Thọ ở họng

Bất Không Thành Tựu đỉnh

1_Án, phộc nhật-la tát đát-phộc, địa sắt xá, sa-phộc hàm, hồng

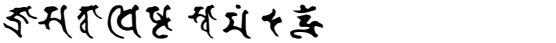

OṂ– VAJRA-SATVA ADHIṢṬA SVĀMAṂ HŪṂ

2_ Án, phộc nhật-la la đát-nẵng, địa sắt xá, sa-phộc hàm, đát lạc.

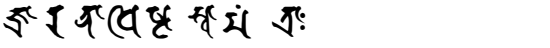

OṂ – VAJRA-RATNA ADHIṢṬA SVĀMAṂ TRĀḤ

3_ Án, phộc nhật-la đạt la-ma, địa sắt xá, sa-phộc hàm, hột-lý-dĩ.

OṂ– VAJRA-DHARMA ADHIṢṬA SVĀMAṂ HRĪḤ

4_ Án, phộc nhật-la yết la-ma, địa sắt xá, sa-phộc hàm, Ac

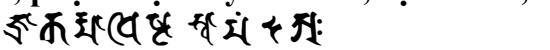

OṂ– VAJRA-KARMA ADHIṢṬA SVĀMAṂ AḤ

Đã dùng gia trì thân
Tiếp nên trao Quán Đỉnh
Ấn Khế năm Như Lai
Đều như Tam Muội Gia
Biến Chiếu quán ở đỉnh

Bất Động Phật ở trán

Bảo Sinh Tôn đỉnh hữu (bên phải đỉnh đầu)

Vô Lương Thọ đỉnh hậu (phía sau đỉnh đầu)

Bất Không Thành Tựu Phật
Tại bên trái đỉnh đầu

Chân Ngôn là:
1_ Án, tát phộc đát tha nga đới, thấp-phộc lý-dã, tị sái kế, tông
𑖌𑖾𑖨 𑖪𑖕𑖿𑖟𑖪𑖿𑖥𑖿𑖫𑖿𑖨𑖿𑖭𑖿𑖨𑖾𑖨 𑖩𑖾𑖨
OṂ – SARVA TATHĀGATEŚVARYA ABHIṢAIKA _VAṂ

2_ Án, phộc nhật-la tát đát-phộc, tị sắt tả hàm, hồng
𑖌𑖾𑖨 𑖫𑖿𑖛𑖿𑖨𑖿𑖟𑖾𑖪 𑖨𑖾𑖨 𑖭𑖾𑖨
OṂ– VAJRA-SATVA ABHIṢIṂCA MĀṂ_ HŪṂ

3_ Án, phộc nhật-la, la đát-nẵng, tị sắt tả hàm, đát-lạc
𑖌𑖾𑖨 𑖫𑖿𑖛𑖿𑖭𑖿𑖟𑖿𑖨𑖾𑖪 𑖨𑖾𑖨 𑖪𑖾𑖨
OṂ – VAJRA-RATNA ABHIṢIṂCA MĀṂ_ TRĀḤ

4_ Án, phộc nhật-la, bát nạp-ma, tị sắt tả hàm, hột-lý-dĩ
𑖌𑖾𑖨 𑖫𑖿𑖛𑖿𑖦𑖿𑖟𑖿𑖨𑖾𑖪 𑖨𑖾𑖨 𑖬𑖾𑖨
OṂ – VAJRA-PADMA ABHIṢIṂCA MĀṂ_ HRĪḤ

5_ Án, phộc nhật-la, yết la-ma, tị sắt tả hàm- Ác
𑖌𑖾𑖨 𑖫𑖿𑖛𑖿𑖑𑖿𑖟𑖿𑖨𑖾𑖪 𑖨𑖾𑖨 𑖁𑖾𑖨
OṂ – VAJRA-KARMA ABHIṢIṂCA MĀṂ _ AḤ

Tiếp nên quán sau đỉnh
Nên cột **Như Lai Man**
Các Như Lai bốn phương
Đều **Tam Muội Gia Khế**
Trước trán, hai vũ (hai tay) chia

Ba lần kết sau đỉnh
Hướng trước như rũ đai

Trước mở từ Đàn Tuệ (hai ngón út)

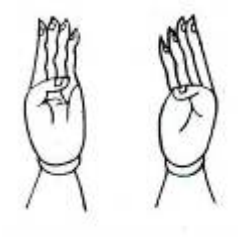

Chân Ngôn là:

1_ Án, phộc nhật-la đà đát-vị, ma la, tị săn tả hàm, tông

OṂ– VAJRA-DHĀTVE MĀLA ABHIṢIṂCA MĀṂ – VAṂ

2_ Án, phộc nhật-la, la đát-nẵng, ma la, tỳ săn tả hàm, tông

OṂ_ VAJRA-RATNA MĀLA ABHIṢIṂCA MĀṂ_ VAṂ

3_Án, phộc nhật-la, bát nạp-ma, ma la, tị săn tả hàm, tông

OṂ_ VAJRA-PADMA MĀLA ABHIṢIṂCA MĀṂ_ VAṂ

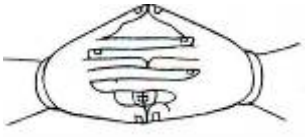

4_Án, phộc nhật-la, yết la-ma, ma la, tị săn tả hàm, tông

OṂ_ VAJRA-KARMA MĀLA ABHIṢIṂCA MĀṂ_ VAṂ

Tiếp đối với Hữu Tình
Nên hưng **Tâm Đại Bi** (Mahā-kāruṇa-citta)
Trong sanh tử vô tận

Luôn mặc giáp **Đại Thệ**
Vì tịnh quốc thổ Phật
Giáng phục các Thiên Ma
Thành Tối Chính Giác, nên
Mặc giáp Trụ Như Lai
Hai vũ (2 tay) Kim Cương Quyền
Ngay tim duỗi Tiến Lực (hai ngón trỏ)
Hai Độ (hai ngón tay) cùng ràng cột (xoay vòng như cột thắng)

Tim, lưng, rồi hai gối
Rốn, eo, tim, hai vai
Họng, cổ, trán, đỉnh đầu
Mỗi mỗi xoay ba vòng
Từ từ rũ xuống dưới
Trước buông từ Đàn Tuệ (hai ngón út)
Ấn hay Hộ tất cả
Thiên Ma chẳng thể hại
Chân Ngôn là:
"Án, châm"
ཨཾ ཏུཾ
OṂ– ṬUṂ

Tiếp đến **Kim Cương Phách**
Ngang chưởng vỗ ba lần

Do uy lực Ấn này
Buộc giải, cột các giải
Liền thành giáp bền chắc
Thánh Chúng đều vui vẻ
Đắc được Thể Kim Cương
Như **Kim Cương Tát Đỏa** (Vajra-satva)
Chân Ngôn là:
"Án, phộc nhật-la, đổ sử-dã, hộc"
ཨོཾ བཛྲ་ཏུཥྱ ཧཱུཿ
OṂ– VAJRA TUṢYA HOḤ

Tiếp kết **Hiện Trí Thân**
Hai vũ (2 tay) Kim Cương Phộc
Thiền Trí (hai ngón cái) vào trong chưởng

Trước thân, tưởng vành trăng
Ở trong quán Bản Tôn
Đế Quán nơi tướng tốt
Biến Nhập (Āviśa: vào khắp) Kim Cương xong
Bản Ấn như Nghi Tắc
Trước thân cần phải kết
Suy tư **Đại Tát Đỏa** (Mahā-satva)
Chân Ngôn là:
"Án, phộc nhật-la, tát đát-phộc, ác"
𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨 𑖦𑖸
OṂ– VAJRA-SATVA AḤ

Tiếp kết **Kiến Trí Thân**
Ấn Khế như tướng trước

Thấy **Trí Tát Đỏa** (Jñāna-satva) ấy
Nên quán ở thân mình
Câu triệu dẫn vào buộc
Khiến vui làm thành tựu
Chân Ngôn là:
"**Án, phộc nhật-la, tát đát-phộc, niết-lý xả dã"**
𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨 𑖢𑖿𑖫
OṂ– VAJRA-SATVA DṚŚYA

Tiếp kết Minh bốn chữ (Tứ Tự Minh)
Triệu dẫn vào thân mình
Ấn như Giáng Tam Thế
_Co đầu tiến (ngón trỏ phải) như câu (móc câu)

_Tiếp Tiến Lực (hai ngón trỏ) giao nhau

_Vẫn co đầu, trụ nhau

_Tiếp cùng nhau móc kết
Rồi hợp cổ tay, rung

Do bốn Ấn Minh này
Triệu, Dẫn, Buộc (phộc), khiến vui (hỷ)
Chân Ngôn là:
"Nhược, hồng, tông, hộc"
𑖜𑖿𑖩 𑖧𑖽𑖨𑖿𑖫 𑖪𑖾𑖫𑖿𑖨 𑖨𑖾𑖪𑖿
JAḤ HŪṂ VAṂ HOḤ

Tiếp bày Tam Ma Gia
Nên kết Kim Cương Phộc
Dựng Nhẫn Nguyện (hai ngón giữa) như Kim

Thành **Bản Tôn Du Già**
Tụng "**Tam ma gia tát đát tông"**
𑖩𑖨𑖪𑖿 𑖭𑖿
SAMAYA STVAṂ
Vào khắp sau lưng rồi vành trăng
Ở trong nên quán Thể **Tát Đỏa** (Satva)
Ta: **Tam Muội Gia, tát đát tông** (samaya stvam)
Chân Ngôn là:
"Án, tam ma dữu hàm, ma hạ tam ma dữu hàm"
𑖌𑖿 𑖩𑖨𑖪𑖿𑖢𑖾𑖫𑖿 𑖧𑖢𑖩𑖨𑖪𑖿𑖢𑖾𑖫𑖿
OṂ– SAMAYA-UHAṂ, MAHĀ-SAMAYA-UHAṂ

_ Tiếp Thành Tựu Pháp Giới
Phụng sự các Như Lai
Thế Gian: Khí, Hữu Tình (hai loại Thế Gian)
Tĩnh diệu làm cõi Phật
Trí thắng thượng, quán sát
Trong ngoài không chỗ có

Ba đời đồng Hư Không
Quán niệm **Khiếm Tự Môn** (𑖎𑖿 _ KHAṂ)
Tiếp phát Trí Phong Luân
Chữ **Hám** (𑖍𑖿_HAṂ) tương ứng khởi
_Nên quán Luân Vi Sơn
Chữ **Kiếm** (𑖏𑖿 _ KAṂ) báu nghiêm sức
Lại ở Hư Không, quán
Chữ Noan (𑖫𑖿 _VAṂ) **Biến Chiếu Tôn** (Vairocana-nātha)
Đại Bi tuôn nước sữa
Thành biển sữa thơm lớn
_Trong biển quán chữ **Bát-La** (𑖦𑖿 _ PRA)
Tự Môn thành rùa vàng
Thân đó thật rộng lớn
Vô lượng **Dụ Nhạ Nẵng** (Yojana: 7 dặm)
Lưng quán chữ **Hột-Lý** (𑖣𑖾𑖿 _ HRĪḤ)
Biến thành hoa sen diệu
Tám cánh có ba tầng
Màu đỏ đủ râu nhụy
Thảy đều có hào quang
_Trong Đàn quán chữ Tố (𑖯𑖿 _ SU)
Lộ **Diệu Cao Sơn Vương** (Sumeru: núi Tu Di)
Do bốn báu tạo thành
Bốn tầng với bốn ngọn
Bảy núi vàng vây quanh
Sườn núi lại có biển
Chứa nước tám Công Đức
Bậc Du Già Quán Niệm
Mỗi mỗi đều rõ ràng
"Khiếm, Hám, Kiếm, Noan, Bát la, Hột-lý-dĩ, Tố"
𑖎𑖿 𑖍𑖿 𑖏𑖿 𑖫𑖿 𑖦𑖿 𑖣𑖾𑖿 𑖯𑖿
KHAṂ, HAṂ, KAṂ, VAṂ, PRA, HRĪḤ, SU.

_ Thành Tựu Hải Chân Ngôn:
"Án, vĩ ma lộ ná địa, hồng"
𑖌𑖾𑖩𑖨𑖪𑖿𑖢𑖾𑖟𑖿
OṂ– VIMALA UDADHI HŪṂ

_ Thành Tựu Sơn Chân Ngôn
"Án, a tả la, hồng"
𑖌𑖾𑖀𑖕𑖪𑖿
OṂ– ACALA HŪṂ

Ở đỉnh núi **Diệu Cao** (Sumeru: núi Tu Di)
Quán cung Phật Pháp Giới
Do năm Trí tạo thành
Lầu gác báu năm ngọn
Tĩnh diệu vượt các cõi

Mọi loại thắng trang nghiêm
Liền kết **Kim Cương Luân** (Vajra-cakra)
Mật Ấn của **Luân Đàn** (Cakra-maṇḍala)
Do uy lực Ấn này
Liền thành các Luân Đàn
Hai vũ (2 tay) Kim Cương Quyền
Tiến Lực (hai ngón trỏ), Đàn Tuệ (hai ngón út) móc

Ở trong hiện quán tưởng
Luân Đàn Như Lai Giáo
Liền ở trong gác báu
Mà quán **Mạn Noa La** (Maṇḍala)
Chân Ngôn là:
"Án, phộc nhật-la, tác yết-la, hồng"
𑖌𑖼 𑖪𑖚𑖪𑖨 𑖣𑖿
OṂ– VAJRA-CAKRA – HŪṂ

Tiếp nên tụng **Khải Thỉnh**
Chẳng sửa tướng Ấn trước
Tưởng bạch các Thánh Chúng
Xuống Mạn Noa La này
Khải Thỉnh Chân Ngôn là:
"Dã tiện diễm, ninh vĩ cận-nẵng, sa tác yết-la, tất đệ tả, đá mẫu tị phộc lê, phộc nhật-la câu noa lê, hệ đổ, tỳ diễm đá, tỳ diễm ma, sa-đổ, tát ná nẵng mạc"
𑖬𑖽𑖨𑖿𑖫𑖾 𑖦𑖭𑖿𑖝𑖿𑖥 𑖨𑖪𑖨 𑖨𑖦𑖿𑖘𑖿𑖙 𑖭𑖿𑖙𑖿𑖫 𑖪𑖚𑖪𑖨 𑖏𑖿𑖫𑖾 𑖏𑖼 𑖪𑖚𑖪𑖨𑖾𑖏𑖿𑖫𑖾 𑖏𑖾𑖨𑖿 𑖨𑖪𑖨𑖾𑖫𑖿𑖢𑖿𑖫𑖾 𑖨𑖪𑖨𑖾𑖫𑖿𑖫𑖿𑖨𑖿𑖫𑖾 𑖨𑖦

Liền tưởng trong quán tưởng
Vận tâm như Bản Giáo
Chân ngôn là**:**

"Án, phộc nhật-la ná-phộc lỗ, ổn ná-già tra dã, tam ma dã, bát-la phệ xả dã, hồng"

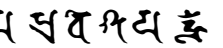

OṂ – VAJRA-DHĀRA UDAGHAṬAYA SAMAYA PRAVEŚAYA HŪṂ

Tiếp kết **Khải Thỉnh Khế**
Khải bạch các Thánh Tôn
Hai vũ (2 tay) Kim Cương Phộc
Nhẫn Nguyện (hai ngón giữa) nên dựng hợp
Co Tiến Lực (hai ngón trỏ) như móc
Giữa, sau mà chẳng dính

Xưng tên rồi Khải Thỉnh
Ba lần xướng **Già Tha** (Gàthà)

"A diễn đỗ, tát phệ bộ phộc, nãi ca sa lạc, bát-la noa nhĩ đá thế sa ca, thủ la ma lạc, tát khất-xoa đát-ngật-lý đát, nẵng đá bà phộc, sa-phộc bà phộc, sa-phộc diễm bộ mao, nẵng đá bà phộc, sa-phộc bà phộc"

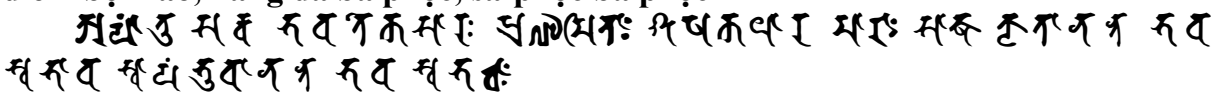

AYAṂTU SARVA BHAVATEKASĀRAḤ, PRAṆĀMITĀḤ ŚEṢAKATHĀRA MĀRĀḤ SĀKṢA KṚTA, ANANTA BHAVA SVABHĀVA SVĀYAṂBHUVA, ANANTA BHAVA SVABHAVĀḤ

Tiếp quán Phật Hải Hội
Chư Thánh vân tập khắp
Giao cánh tay, búng tay

Tiếng vang tràn Pháp Giới
Chân Ngôn là:
"**Án, phộc nhật-la, tam ma nhạ, nhược"**

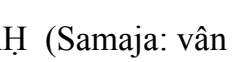

OṂ– VAJRA-SAMAJA_ JAḤ (Samaja: vân tập)

Các Như Lai tập hội
Đều ở tại Hư Không
Tụng **Bách Bát Danh Tán** (bài tán 108 tên)
Lễ Mạn Noa Thánh Chúng
Tán Thán Chân Ngôn là:

1. Phộc nhật-la tát đát-phộc, ma hạ tát đát-phộc, phộc nhật-la, tát phộc đát tha nga đá, tam mãn đá bà nại-la, phộc nhật-la nễ dã, phộc nhật-la bá ni, nẵng mô sa-đổ đế.

ཝཛྲ སཏྭ མཧཱ སཏྭ ཝཛྲ སརྦ ཏཐཱགཏ སམནྟ བྷདྲ ཝཛྲ ཧྲྀ ཝཛྲ པཱ ཎི ནམོ སྟུཏེ

VAJRA-SATVA MAHĀ-SATVA VAJRA, SARVA TATHĀGATA, SAMANTA-BHADRA, VAJRADYA, VAJRAPĀṆI- NAMO STUTE.

2. Phộc nhật-a la nhạ, tố một đà nga-lý-dã, phộc nhật-la câu xả, đát tha nga đá, A mô khư la nhạ, phộc nhật-la nễ-dã, phộc nhật-la ca la sa, na mô sa-đổ đế.

ཝཛྲ རཱ ཛ སུབུདྡྷ ཨགྲྱ ཝཛྲ ཨཾཀུ ཤ ཏཐཱགཏ ཨམོགྷ རཱ ཛ ཝཛྲ ཧྲྀ ཝཛྲ ཨཀ ཪྵ ནམོ སྟུཏེ

VAJRA-RĀJA SUBUDDHA AGRYA- VAJRA-AṂKUŚA, TATHĀGATA, AMOGHA-RĀJA, VAJRADYA, VAJRA-AKARṢA, NAMO STUTE.

3. Phộc nhật-la, la nga, ma hạ táo xí-dã, phộc nhật-la phộc noa phộc, thương ca la, ma la, ca ma, ma hạ phộc nhật-la tả bá, nẵng mô sa-đổ đế.

ཝཛྲ རཱ ག མཧཱ སཽ ཁྱ ཝཛྲ ཝརྞ ཤཾ ཀ ར མཱ ར ཀཱ མ མཧཱ ཝཛྲ ཙཱ པ ནམོ སྟུཏེ

VAJRA-RĀGA, MAHĀ-SAUKHYA – VAJRA-VARṆA ŚAṂKARA, MĀRA KĀMA – MAHĀ-VAJRA-CĀPA NAMO STUTE.

4. Phộc nhật-la, sa độ, tố phộc nhật-la nga lý-dã, phộc nhật-la đổ sắt tai, ma hạ la đế, bát-la mô nễ-dã la nhạ, phộc nhật-la nễ-dã, phộc nhật-la hạ la-sa, nẵng mô sa-đổ đế.

ཝཛྲ སཱ དྷུ སུ ཝཛྲ ཨརྠ ཏུ ཥྚཻ མཧཱ ར ཏེ པྲ མོདྱ རཱ ཛ ཝཛྲ ཧཱ ས ནམོ སྟུཏེ

VAJRA-SĀDHU, SUVAJRA AGRYA – VAJRA TUṢṬAI, MAHĀ-RATE, PRAMODYA-RĀJA, VAJRADYA, VAJRA-HĀSA- NAMO STUTE.

5. Phộc nhật-la, la đát-nẵng, tố phộc nhật-la la-tha, phộc nhật-la ca xả, ma hạ ma ni, A ca xả nga bà, phộc nhật-la trà-dã, phộc nhật-la nga bà, nẵng mô sa-đổ đế.

ཝཛྲ ར ཏྣ སུ ཝཛྲ ཨརྠ ཝཛྲ ཱ ཀཱ ཤ མཧཱ མ ཎི ཱ ཀཱ ཤ ག ྦྷ ཝཛྲ ཧྱ ཝཛྲ ག ྦྷ ནམོ སྟུཏེ

VAJRA-RATNA, SUVAJRA-ARTHA, VAJRA-ĀKĀŚA, MAHĀ-MAṆI, ĀKĀŚA-GARBHA, VAJRAHYA, VAJRA-GARBHA, NAMO STUTE.

6. Phộc nhật-la, đế nhạ, ma hạ nhập-phộc la, phộc nhật-la tố lý-dã, nhạ nẵng bát-la bà, phộc nhật-la la-thấp nhĩ, ma hạ đế nhạ, phộc nhật-la bát-la bà, nẵng mô sa-đỗ đế.

ཝཛྲ ཏེ ཛ ཛྭ ཱ ལ ཝཛྲ སཱུ ར྄ཡ ཇི ན པྲ བྷ ཝཛྲ ཪ ྴ མི ཏེ ཛ པྲ བྷ ནམོ སྟུཏེ

VAJRA-TEJA, MAHĀ-JVALA, VAJRA-SŪRYA, JINA-PRABHA, VAJRA-RAŚMI, MAHĀ-TEJA, VAJRA-PRABHA NAMO STUTE.

7. Phộc nhật-la kế đổ, tố tát đát-phộc la-tha, phộc nhật-la đặc-phộc nhạ, tố đố sái ca, la đát-nẵng kế đổ, ma hạ phộc nhật-la, phộc nhật-la duệ sắt-tai, nẵng mô sa-đổ đế.

ཝཛྲཀེ་ཏུ་ སུསཏྭ་ཨརྠ་ ཝཛྲ་དྷྭཛ་ སུཏོ་ཥ་ཀ་ རཏྣཀེ་ཏུ་ མཧཱ་ཝཛྲ་ ཝཛྲ་ཨཱཡུཥྚཻ་ ནམོ་སྟུ་ཏེ།

VAJRA-KETU, SUSATVA-ARTHA, VAJRA-DHVAJA SUTOṢAKA, RATNA-KETU, MAHĀ-VAJRA, VAJRA-AYUṢṬAI- NAMO STUTE.

8. Phộc nhật-la hạ sa, ma hạ hạ sa, phộc nhật-la tất nhĩ đá, ma hạ nạp-bộ đá tất-lý để, bát-la mô nễ-dã la nhạ, phộc nhật-la nễ-dã, phộc nhật-la tất lý-đế, nẵng mô sa-đổ đế.

ཝཛྲཧཱ་ སཱ་ཧཱ་ ཝཛྲ་སྨི་ཏ་ མཧཱ་དྦྷུ་ཏ་ པྲཱི་ཏི་ པྲ་མོ་དྱ་ རཱ་ཛ་ ཝཛྲ་དྱཱ་ ཝཛྲ་པྲཱི་ཏེ་ ནམོ་སྟུ་ཏེ།

VAJRA-HĀSA, MAHĀ-HĀSA, VAJRA-SMITA, MAHĀ-DBHUTA, PRĪTI PRAMODYA-RĀJA, VAJRA-DYA VAJRA-PRĪTE – NAMO STUTE**.**

9. Phộc nhật-la đạt la-ma, tố tát đát-phộc la-tha, phộc nhật-la bát nại-ma, tố thú đạt ca, lộ kế thấp-phộc la, tố phộc nhật-la khất-xoa, phộc nhật-la nịnh đát-la, nẵng mô sa-đổ đế.

ཝཛྲ་དྷརྨ་ སུསཏྭ་ཨརྠ་ ཝཛྲ་པདྨ་ སུཤུདྡྷཀ་ ལོཀེ་ཤྭ་ར་ སུཝཛྲ་རཱ་ཀྵ་ ཝཛྲ་ནེ་ཏྲེ་ ནམོ་སྟུ་ཏེ།

VAJRA-DHARMA, SUSATVA-ARTHA, VAJRA-PADMA SUŚUDDHAKA, LOKEŚVARA, SUVAJRĀKṢA, VAJRA-NETRE NAMO STUTE**.**

10. Phộc nhật-la để khất-xoa-noa, ma hạ dã nẵng, phộc nhật-la cú xả, ma hạ dũu đà, mạn tổ thất-lý, phộc nhật-la nghiêm tị lý-dã, phộc nhật-la một đệ, nẵng mô sa-đổ đế.

ཝཛྲ་ཏཱི་ཀྵྞ་ མཧཱ་ཡཱ་ན་ ཝཛྲ་ཀུ་ཤ་ མཧཱ་ཡུ་དྷ་ མཉྫུ་ཤྲཱི་ ཝཛྲ་ག་མྦྷཱི་ར་ཡ་ ཝཛྲ་བུདྡྷེ་ ནམོ་སྟུ་ཏེ།

VAJRA-TĪKṢṆA, MAHĀ-YĀNA, VAJRA-KUŚA, MAHĀ-YUDHA, MAṂJUŚRĪ, VAJRA-GAMBHĪRYA, VAJRA-BUDDHE NAMO STUTE.

11. Phộc nhật-la hệ đổ, ma hạ mạn noa, phộc nhật-la tả yết-la, ma hạ nẵng dã, tố bát-la la đát-nẵng, phộc nhật-lỗ đát tha, phộc nhật-la mạn noa, nẵng mô sa-đổ đế.

ཝཛྲ་ཧེ་ཏུ་ མཧཱ་མཎྜ་ལ་ ཝཛྲ་ཙ་ཀྲ་ མཧཱ་ནཱ་ཡ་ སུཔྲ་ཝརྟ་ཏ་ན་ ཝཛྲོ་ཏ་ཐཱ་ ཝཛྲ་མཎྜ་ལ་ ནམོ་སྟུ་ཏེ།

VAJRA-HETU, MAHĀ-MAṆḌALA, VAJRA-CAKRA, MAHĀ-NĀYA, SUPRAVARTTANA, VAJROTATHĀ, VAJRA-MAṆḌALA NAMO STUTE**.**

12. Phộc nhật-la bà sái, tố vĩ nễ-dã, nga-lý-dã, phộc nhật-la nhạ bá, tố tất đế na, a phộc giả, phộc nhật-la vĩ nễ-dã nga-lý-dã, phộc nhật-la bà sái, nẵng mô sa-đổ đế.

ཝཛྲ་བྷཱ་ཥ་ སུཝིདྱཱ་ཨ་གྲྱ་ ཝཛྲ་ཛ་པ་ སུསིདྡྷི་དཱ་ ཨཱ་ཝཱ་ཙ་ ཝཛྲ་ཝིདྱཱ་ཨ་གྲྱ་ ཝཛྲ་བྷཱ་ཥ་ ནམོ་སྟུ་ཏེ།

VAJRA-BHĀṢA, SUVIDYA-AGRYA, VAJRA-JAPA, SUSIDDHIDA AVĀCA, VAJRA-VIDYA-AGRYA, VAJRA-BHĀṢA NAMO STUTE**.**

13. Phộc nhật-la yết ma, tố phộc nhật-la, nhạ noa, yết ma phộc nhật-la, tát phộc nga la, phộc nhật-la mô khư, ma hô na lý-dã, phộc nhật-la vĩ thấp-phộc, na mô sa-đổ đế.

𑖌𑖽𑖨𑖿 𑖪𑖌𑖽𑖿 𑖨𑖿𑖌𑖽𑖿 𑖨𑖽𑖿𑖫 𑖌𑖽𑖿𑖨𑖾 𑖨𑖽𑖿𑖫𑖪 𑖌𑖽𑖿𑖪𑖾 𑖨𑖽𑖿𑖪

TOẢ (Śṛṅkhala): mở cổ tay, móc

LINH (Ghaṃṭa): hợp cổ tay, rung

Đều tụng Bản Chân Ngôn
Chân Ngôn là:
1_Phộc nhật-la củ xả, nhược
ཌཛྲ་ཨཾ་ཀུ་ཤ་ ཛཿ
VAJRA-AṂKUŚA JAḤ

2_ Phộc nhật-la bá xả, hồng
ཌཛྲ་པཱ་ཤ་ ཧཱུྃ
VAJRA-PĀŚA HŪṂ

3_ Phộc nhật-la, sa-phổ tra, tông
ཌཛྲ་སྥོ་ཊ་ ཝཾ
VAJRA-SPHOṬA VAṂ

4_ Phộc nhật-la, phệ xả, A
ཌཛྲ་ཨ་ཝི་ཤ་ ཨཿ
VAJRA-AVIŚA AḤ
(Bản khác ghi là: ཌཛྲ་ཝེ་ཤ་ ཧོཿ: **Vajra veśa Hoḥ**)

Tiếp kết **Kim Cương Phách**

Khiến Thánh Chúng vui vẻ.
Chân Ngôn là:
"An, phộc nhật-la, đá la, đỗ sử-dã, hộc"
ཨོཾ ཌཛྲ་ཏཱ་ར་ ཏུཥྱ ཧོཿ
OṂ – VAJRA-TĀRA TUṢYA HOḤ

Tiếp vào **Bình Đẳng Trí** (Samatā-jñāna)
Dâng nước thơm **Át Già** (Argha)

Tưởng tắm thân các Thánh
Sẽ được **Địa Quán Đảnh** (Abhiṣeka-bhūmi)
Chân Ngôn là:
"Án, phộc nhật-la ná ca tra, hồng"
𑖌𑖼 𑖪𑖖𑖨𑖪𑖽𑖦𑖿𑖠𑖽 𑖣𑖿𑖫
OṂ– VAJRA-UDAKA ṬHAḤ HŪṂ

"Nẵng mạc tam mãn đa một đà nam, nga nga nẵng, sa ma, sa ma, sa-phộc hạ"
𑖡𑖾𑖢𑖽𑖪𑖽𑖨 𑖪𑖾𑖢𑖿𑖢𑖾𑖦𑖿𑖦𑖾𑖡𑖿𑖡𑖡𑖽 𑖢𑖾𑖢𑖾𑖢𑖽 𑖭𑖽𑖫𑖽
NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ _ GAGANA SAMA ASAMA _ SVĀHĀ

Tiếp kết **Chấn Linh Ấn**
Phải: chày, trái: rung chuông
Tâm vào tiếng giải thoát
Quán chiếu Lý Bát Nhã
Chân Ngôn là:
"Án, phộc nhật-la bá ni, hồng"
𑖌𑖼 𑖪𑖖𑖨𑖪𑖽𑖡𑖾 𑖣𑖿𑖫
OṂ – VAJRA-PĀṆI HŪṂ

"Án, phộc nhật-la kiến tra, đổ sắt-dã, hộc"
𑖌𑖼 𑖪𑖖𑖨𑖪𑖽𑖎𑖽𑖠𑖽 𑖑𑖿𑖫𑖽 𑖨𑖽𑖨
OṂ – VAJRA-GHAṂṬA TUṢYA HOḤ

KIM CƯƠNG ĐỈNH
NHẤT THIẾT NHƯ LAI CHÂN THẬT NHIẾP ĐẠI THỪA
HIỆN CHỨNG ĐẠI GIÁO VƯƠNG KINH
QUYỂN THƯỢNG (Hết)

Mật Tạng Bộ 1 _ No.874 (Tr.317 – Tr.322)

KIM CƯƠNG ĐỈNH
NHẤT THIẾT NHƯ LAI CHÂN THẬT NHIẾP ĐẠI THỪA HIỆN CHỨNG ĐẠI GIÁO VƯƠNG KINH
QUYỂN HẠ

Hán dịch : Đời Đường, Đặc Tiến Thí Hồng Lô Khanh, Tam Tạng Sa Môn BẤT KHÔNG Phụng chiếu dịch.

Sưu tập Thủ Ấn, phục hồi Phạn Chú và việt dịch: HUYỀN THANH.

KIM CƯƠNG GIỚI ĐẠI MẠN NOA LA TỲ LÔ GIÁ NA NHẤT THIẾT NHƯ LAI TRỤ BÍ MẬT TÂM ĐỊA ẤN CHÂN NGÔN YẾT MA BỘ (Thứ Hai)

Cúi lạy Bạc Già Phạm
Đại Tỳ Lô Giá Na
Hay vì Tự Tại Vương
Diễn nói **Kim Cương Giới** (Vajra-dhātu)
Yết Ma (Karma), các Nghi Tắc
Ấn Khế (Mudra) và **Chân Ngôn** (Mantra)
Cúng dường các Như Lai
Tiếp kết **Yết Ma Ấn** (Karma-mudra)
Ở tim rồi tu tập
Quán kỹ vành trăng tim
Rồi có chày Yết Ma
Nên kết **Kim Cương Quyền** (Vajra-muṣṭi)
Đẳng Dẫn (Samāhita) rồi chia hai
Hữu vũ (tay phải) Kim Cương Quyền
Dùng nắm đầu ngón Lực (ngón trỏ trái)

Quyền trái đặt ở eo
Rũ tay phải chạm đất

Quyền trái, tướng như trước
Hữu vũ, (tay phải) tác Thí Nguyện

Hai tay ngửa cài nhau
Thẳng Tiến Lực (hai ngón trỏ) chung lưng
Thiền Trí (hai ngón cái) ngang đầu ngón

Quyền trái lại ở eo
Hữu vũ (tay phải) Thí Vô Úy

Là năm Như Lai Khế
Mỗi mỗi Chân Ngôn là:
1)Án, phộc nhật-la, đà đổ, tông
𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖪𑖨𑖿𑖟 𑖦𑖾
OṂ_ VAJRA-DHĀTU VAṂ

2)Án, A khuất-sô tỳ-dã, hồng
𑖌𑖼 𑖀𑖓𑖽𑖨𑖿𑖪 𑖧𑖾
OṂ_ AKṢOBHYA HŪṂ

3)Án_ la đát-nẵng tam bà phộc, đát-lạc
𑖌𑖼 𑖭 𑖪𑖾𑖦𑖕𑖪 𑖡𑖻
OṂ_ RATNA-SAṂBHAVA TRĀḤ

4)Án, lộ kế thấp-phộc la, la nhạ, hột-lý-dĩ
𑖌𑖼 𑖮𑖓𑖖𑖿𑖭 𑖭𑖕 𑖨𑖻
OṂ_ LOKEŚVARA -RĀJA HRĪḤ

5)Án, A mô khư tất đệ, Ác
𑖌𑖼 𑖀𑖢𑖘𑖿𑖢𑖪 𑖀𑖻
OṂ_ AMOGHA-SIDDHI AḤ

Tiếp nên kết **Yết Ma**
Bốn **Ba La Mật Khế**
Đều như Bản Phật Ấn

Mà tụng nơi Chân Ngôn
Mỗi mỗi Chân Ngôn ấy là:

1_Án, tát đát-phộc, phộc nhật-lý, hồng
ཨོཾ སཏྭ ཝཛྲི ཧཱུྃ
OṂ– SATVA-VAJRI – HŪṂ

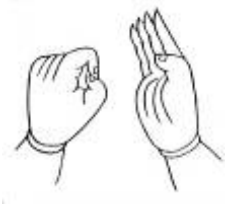

2_Án, la đát-nẵng, phộc nhật-lý, đát lạc
ཨོཾ ར ཏྣ ཝཛྲི ཏྲཱཿ
OṂ– RATNA VAJRI – TRĀḤ

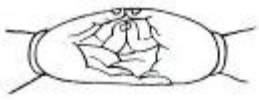

3_Án, đạt la-ma, phộc nhật-lý, hột-lý-dĩ
ཨོཾ དྷརྨ ཝཛྲི ཧྲཱིཿ
OṂ– DHARMA VAJRI – HRĪḤ

4_Án, yết la-ma, phộc nhật-lý, Ác
ཨོཾ ཀརྨ ཝཛྲི ཨཿ
OṂ– KARMA VAJRI – AḤ

Tiếp kết mười sáu Tôn
Nghi của **Yết Ma Khế**
Quyền trái đặt cạnh eo
Hữu vũ (tay phải) rút chày ném

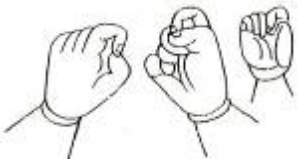

Giao hai quyền ôm ngực

Co tiến lực (hai ngón trỏ) móc triệu

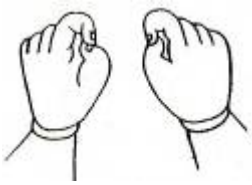

Hai quyền như Xạ Pháp (cách bắn tên)
Đặt ngang tim búng tay

Tiến lực (hai ngón trỏ) như bình báu

Ở tim chuyển Nhật Luân (mặt trời)

Chỏ phải trụ quyền trái

Hai miệng quyền ngửa bung

Trái: sen, phải: mở bóc

Tay trái tưởng cầm hoa
Tay phải như cầm kiếm

Úp quyền dựng Tiến Lực (hai ngón trỏ)

Ở rốn, chuyển ngang bằng
Đưa tới miệng, ngửa bung

Trước duỗi từ Thiền Trí (hai ngón cái)
Xoay múa tim, hai má (hai gò má)

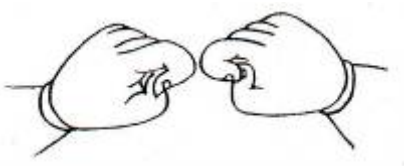

Kim Cương Chưởng ở Đỉnh

Hai Quyền khoác giáp trụ

Tiến Lực (hai ngón trỏ) Đàn tuệ (hai ngón út) trợ (?nanh)

Hai quyền cùng hợp nhau

Mười sáu Đại Sĩ Ấn

_Nội, Ngoại: Tám Cúng Dường
Kèm với nơi bốn Hộ
Ấn Tướng, nay sẽ nói
Hai quyền đều cạnh eo
Hướng trái hơi cúi đầu

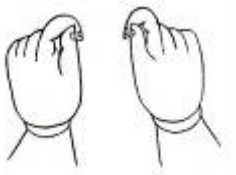

Hai quyền dùng buộc Man (vòng hoa)

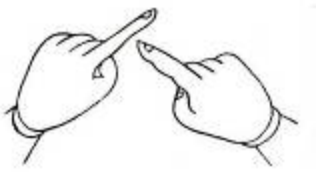

Từ trán, sau đỉnh: rũ

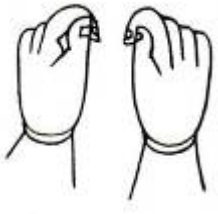

Hai quyền cùng hợp cạnh
Từ rốn đến miệng bung

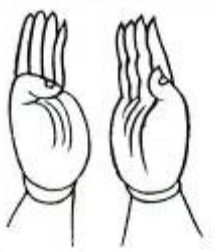

Hai quyền như nghi múa

Xoay chuyển chưởng ở đỉnh

Dùng nghi Kim Cương Chưởng (?Quyền)
Bốn Ấn nhóm **Thiêu Hương**
Dùng Giáng Tam Thế Ấn
Bốn Nhiếp nhóm Câu, Sách
Kèm quyền hướng dưới bung

Ngửa bung như Phụng Hiến

Dựng Thiền Trí (hai ngón cái) như Kim

Mở chưởng xoa ở ngực

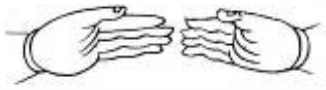

Co Tiến (ngón trỏ phải) như móc câu

Cong Tiến Lực (hai ngón trỏ) vịn nhau

Hai Độ (hai ngón tay) liền móc nhau

Hợp cổ tay, hơi rung

Các Chân Ngôn ấy là:

1_Án, phộc nhật-la, tát đát-phộc, ác

ཨོཾ ཝཛྲ་སཏྭ ཨཿ

OṂ– VAJRA-SATVA – AḤ

2_Án, phộc nhật-la, la nhạ, nhược
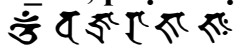
OṂ– VAJRA RĀJA – JAḤ

3_Án, phộc nhật-la, la nga, hộc

OṂ– VAJRA-RĀGA – HOḤ

4_Án, phộc nhật-la, sa độ, sách

OṂ– VAJRA-SĀDHU – SAḤ

5_Án, phộc nhật-la, la đát-nẵng, Án

OṂ– VAJRA-RATNA – OṂ

6_Án, phộc nhật-la, đế nhạ, ám
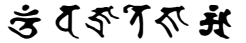
OṂ– VAJRA-TEJA – ĀṂ

7_Án, phộc nhật-la, kế đỗ, đát-lam
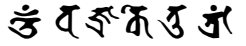
OṂ– VAJRA-KETU – TRĀṂ

8_Án, phộc nhật-la, hạ sa, hác
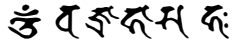
OṂ– VAJRA-HĀSA_ HAḤ

9_Án, phộc nhật-la, đạt ma, hột-lý-dĩ

OṂ– VAJRA-DHARMA – HRĪḤ

10_ Án, phộc nhật-la, để khất xoa noa, đạm

OṂ– VAJRA-TĪKṢṆA – DHAṂ

11_Án, phộc nhật-la, hệ đỗ, hàm

OṂ– VAJRA-HETU – MAṂ

12_ An, phộc nhật-la, bà sái, lam

OM – VAJRA-BHÀSA – RAM

13_Án, phộc nhật-la, yết ma, kiếm

OṂ– VAJRA-KARMA_ KAṂ

14_Án, phộc nhật-la, lạc khất-xoa, hàm
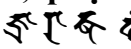
OṂ– VAJRA-RĀKṢA – HAṂ

15_Án, phộc nhật-la, dược khất-xoa, hồng
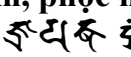
OṂ– VAJRA-YAKṢA – HUṂ

16_Án, phộc nhật-la, tán địa, tông
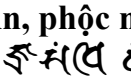
OṂ– VAJRA-SAṂDHI – VAṂ
(ND: Trên đây là 16 câu Chú của 16 vị Đại Sĩ)

1_Án, phộc nhật-la, la tế, hộc

OṂ– VAJRA-LĀSYE_ HOḤ

2_ Án, phộc nhật-la, ma lợi, đát-la tra

OṂ– VAJRA-MĀLE – TRAṬ

3_Án, phộc nhật-la, nghĩ đế, nghĩ

OṂ– VAJRA-GĪTE – GĪḤ

4_Án, phộc nhật-la, Niết-lý đế-duệ, cật-lý tra

OṂ– VAJRA-NṚTYE – KṚṬ
(ND: Trên đây là 4 Nội Cúng Dường)

1_Án, phộc nhật-la, độ bế, A
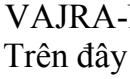
OṂ– VAJRA-DHŪPE – AḤ

2_Án, phộc nhật-la, bổ sáp-bế, án
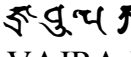
OṂ– VAJRA-PUṢPE – OṂ

3_Án, phộc nhật-la, lộ kế, nịch
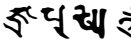
OṂ– VAJRA-ĀLOKE – DĪḤ

4_Án, phộc nhật-la, hiến đệ, ngược
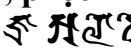
OṂ– VAJRA-GANDHE _ GAḤ

(ND: Trên đây là 4 Ngoại Cúng Dường)

1_Án, phộc nhật-la, củ xá, nhược
ॐ वज्राङ्कुशः जः
OṂ– VAJRA-AṂKUŚA – JAḤ

2_Án, phộc nhật-la, bá xá, hồng
ॐ वज्रपाशः हुं
OṂ– VAJRA-PĀŚA – HŪṂ

3_Án, phộc nhật-la, sa-phổ tra, tông
ॐ वज्रस्फोटः वं
OṂ– VAJRA-SPHOṬA – VAṂ

4_Án, phộc nhật-la phệ xá, hộc
ॐ वज्रावेशः होः
OṂ– VAJRA-VEŚA _ HOḤ
(Bản khác ghi nhận câu Chú này là: OṂ_ VAJRA-AVIŚA HOḤ)
[ND: Trên đây là 4 Nhiếp]

Phải: tim, trái: ấn đất

Quanh bốn mặt Luân Đàn
xưng Chân Ngôn một lần
An lập **Hiền Kiếp vị** (vị trí các tôn đời Hiền Kiếp)
Chân Ngôn là:
"Hồng, hồng"
हूँ हूँ
HŪṂ HUṂ

Ngàn Như Lai **Hiền Kiếp** (Bhadra-kalpa)
Mười sáu **Đại Danh Xưng** (Mahā-yaśa)
Trước vẽ **Di Lặc Tôn** (Maitreya)
Tiếp Minh **Bất Không Kiến** (Amogha-darśin)
Nhất Thiết Diệt Ác Thú (Sarva-apāya-jaha)
Ly Nhất Thiết Ưu Ám (Śokatamo-nirghātana)
Hương Tượng (Gandha-hāstin), **Dũng Mãnh Tôn** (Śūra, hay Śūraṃgama)
Hư Không Tạng (Ākāśa-garbha), **Trí Tràng** (Jñāna-ketu)
Vô Lượng Quang (Amita-prabha)**, Nguyệt Quang** (Candra-prabha)
Hiền Hộ (Bhadra-pāla)**, Quang Võng Tôn** (Jālinī-prabha)
Tiếp vẽ **Kim Cương Tạng** (Vajra-garbha)
Vô Tận Ý (Akṣaya-mati)**, Biện Tích** (Pratibhāna-kuṭa)
Phổ Hiền (Samanta-bhadra), ánh sáng lớn
Với Tôn Thượng Thủ khác

Thoạt đầu đặt chữ A (𑖀)
Hoặc viết mười sáu tên
Hạt giống Trí Kim Cương
Nghi Quỹ của Thánh Thiên
Y giáo mà an lập
Trời: Địa Cư, Không Hành
Xảo Trí khéo an bày
Tướng Tất Địa các Tôn
Thứ tự cần phải rõ
Mỗi Chân Ngôn ấy là:

1_Án, muội đát-lý dã, sa-phộc hạ

𑖌𑖼 𑖨𑖰𑖝𑖪𑖿𑖬 𑖮𑖽𑖟

OṂ– MAITREYA _ SVĀHĀ

2_Án, A Mục khư ná lật-xả nẵng dã, sa-phộc hạ

𑖌𑖼 𑖀𑖨𑖜𑖿𑖜 𑖣𑖦𑖰𑖪𑖿𑖬 𑖮𑖽𑖟

OṂ– AMOGHA-DARŚANĀYA _ SVĀHĀ

3_Án, tát phộc bá dã nhạ hám, sa-phộc hạ

𑖌𑖼 𑖮𑖤𑖿𑖜𑖪𑖿𑖬𑖢𑖾𑖩 𑖮𑖽𑖟

OṂ– SARVA-APĀYA-JAHAṂ – SVĀHĀ

4_Án, tát phộc thú địa ca đa mê, nễ kiến đà mê, sa phộc hạ

𑖌𑖼 𑖮𑖤𑖿𑖝 𑖝𑖢𑖿𑖟𑖨𑖿𑖫 𑖦𑖜𑖿𑖟𑖨𑖿𑖫 𑖮𑖽𑖟

OṂ– SARVA-ŚOKATAME-NIRGHĀTAME – SVĀHĀ

5_Án, hiến đà hạ tất-để, sa-phộc hạ

𑖌𑖼 𑖜𑖤𑖿𑖣 𑖢𑖰𑖮𑖿𑖩 𑖮𑖽𑖟

OṂ– GANDHA-HĀSTI – SVĀHĀ

6_Án, thú la dã, sa-phộc hạ

𑖌𑖼 𑖧𑖿𑖭𑖪𑖿𑖬 𑖮𑖽𑖟

OṂ– ŚŪRAYA _ SVĀHĀ

7_Án, A ca xả nga la-bà, sa-phộc hạ

𑖌𑖼 𑖀𑖢𑖰𑖧𑖜𑖿𑖟𑖭 𑖮𑖽𑖟

OṂ– ĀKĀŚA-GARBHA _ SVĀHĀ

8_Án, nga-nhạ nẵng, kế đố, sa-phộc hạ

𑖌𑖼 𑖝𑖜𑖿𑖟 𑖢𑖪𑖿𑖥 𑖮𑖽𑖟

OṂ– JÑĀNA-KETU _ SVĀHĀ

9_Án, A nhĩ đá bát-la bà, sa-phộc hạ

𑖌𑖼 𑖀𑖨𑖿𑖫𑖟 𑖥𑖭 𑖮𑖽𑖟

OṂ– AMITA-PRABHA _ SVĀHĀ

10_Án, tán nại-la, phộc nhật-la, bát-la bà, sa-phộc hạ

ॐ ཙནྡྲ་ཝཛྲ་པྲ་ཧྲ་ཥྭཱ་

OṂ– CANDRA-VAJRA-PRABHA _ SVĀHĀ

11_Án, bà nại-la bá la, sa-phộc hạ

ॐ་ཧྲ་ཏྲ་པཱ་ཥྭཱ་

OṂ– BHADRA-PĀLA _ SVĀHĀ

12_Án, nhập-phộc la ninh, bát-la bà, hồng, sa-phộc hạ

ॐ་ཛཱ་ལི་ནཱི་པྲ་ཧྲ་ཧཱུྃ་ཥྭཱ་

OṂ– JĀLINĪ-PRABHA HŪṂ _ SVĀHĀ

13_ Án, phộc nhật-la, tát la-bà, sa-phộc hạ

ॐ་ཝཛྲ་གརྦྷ་ཥྭཱ་

OṂ _ VAJRA-GARBHA _ SVĀHĀ

14_ Án, A khất-xoa ma để, sa-phộc hạ

ॐ་ཨཀྵ་མ་ཏི་ཥྭཱ་

OṂ– AKṢA-MATI -SVĀHĀ

15_Án, bát-la để ha đá, câu tra dã, sa-phộc hạ

ॐ་པྲ་ཏི་ཧ་ཏ་ཀུ་ཊཱ་ཡ་ཥྭཱ་

OṂ– PRATIHATA KUṬĀYA _ SVĀHĀ

16_Án, tam mãn đá, bà nại-la dã, sa-phộc hạ

ॐ་ས་མ་ན་ཏ་བྷ་ད྄ར་ཡ་ཥྭཱ་

OṂ– SAMANTA-BHADRAYA - SVĀHĀ

KIM CƯƠNG GIỚI ĐẠI MẠN NOA LA
TỲ LÔ GIÁ NA NHẤT THIẾT NHƯ LAI TỘC BÍ MẬT TÂM ĐỊA
ẤN CHÂN NGÔN TAM MUỘI GIA BỘ (Thứ Ba)

Bấy giờ Bạc Già Phạm
Đại Tỳ Lô Giá Na
Hay vì Tự Tại Vương
Diễn nói Kim Cương Giới
Nghi Quỹ của Tam Muội
_ Tiếp kết **Tam Muội Gia** (Samaya)
Ở lưỡi quán Kim Cương

_ Trước hợp Kim Cương Chưởng
Liền thành Kim Cương Phộc

Nhẫn Nguyện (hai ngón giữa) như cây kiếm
Tiến Lực (hai ngón trỏ) phụ ở lưng

_ Dựng Nhẫn Nguyện (hai ngón giữa) như Kim

_ Lại co như hình báu

_ Co kín như cánh sen
Hợp mặt ở trong chưởng

_ Hợp Đàn Tuệ (hai ngón út) Thiền Trí (hai ngón cái)

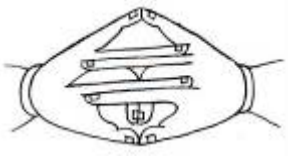

Đây là năm Phật Ấn

Mỗi Chân Ngôn ấy là:
1. Phộc nhật-la nhạ-noa nam – A
བཛྲ་ཛྙཱ་ན་ཨཿ
VAJRA-JÑĀNAṂ – AḤ

2. Phộc nhật-la nhạ-noa nam – Hồng

VAJRA-JÑĀNAṂ – HŪṂ

3. Phộc nhật-la nhạ-noa nam – Đát-lạc

VAJRA-JÑĀNAṂ – TRĀḤ

4. Phộc nhật-la nhạ-noa nam – Hột-lý-dĩ

VAJRA-JÑĀNAṂ – HRĪḤ

5. Phộc nhật-la nhạ-noa nam – Ác

VAJRA-JÑĀNAṂ – AḤ

Tiếp kết **Tam Muội Gia**
Bốn **Ba La Mật Khế**
Đều như Khế của Phật
Tụng riêng mỗi Chân Ngôn
Mỗi Chân Ngôn ấy là:

1_ Phộc nhật-la thất-lý, hồng
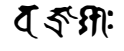
VAJRA-ŚRĪ – HŪṂ

2_ Phộc nhật-la kiều lý, đát-lam

VAJRA-GORĪ– TRĀṂ

3_ Phộc nhật-la đá la, hột-lý-dĩ
ཏྲཱ་ཀྵ་ཧྲཱིཿ
VAJRA-TĀRĀ – HRĪḤ

4_ Khư, phộc nhật-lý ni, hộc
ཁཾ ཏྲྀ་ཀྵ ཧཱཿ
KHA – VAJRIṆI – HOḤ

_ Tiếp kết mười sáu Tôn
Tám Cúng Dường, bốn Nhiếp
Ấn Khế Tam Muội Gia
_ Nhẫn Nguyện (hai ngón giữa) dựng như Kim
Mở út (ngón út), cái (ngón cái) rồi dựng

_ Tiếp dùng Kim Cương Phộc
Co Tiến Lực (hai ngón trỏ) như móc

_ Nhân móc liền cài dựng

_Chẳng giải Phộc, búng tay

_ Dựng cái, tiếp co ngược

_ Chẳng sửa ngón cái, tiếp
Duỗi sáu, rồi xoay chuyển

_ Hai trước cũng chẳng sửa
Giữa Phộc dưới bốn Tràng

_ Chẳng đổi Tướng Ấn trước
Mở ngược, buông ở miệng

_ Do Phộc, dựng Thiền Trí (hai ngón cái)
Co Tiến Lực (hai ngón trỏ) như sen

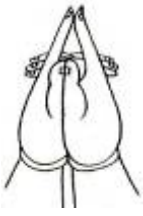

_ Do Phộc, dựng Nhẫn Nguyện (hai ngón giữa)
Co lóng trên như Kiếm (cây Kiếm)

_ Nhẫn nguyện (hai ngón giữa) theo vào Phộc
Dựng bốn (ngón vô danh), dựng năm (ngón út) giao

_ Do Phộc, Tiến Lực (hai ngón trỏ) sen
Mở Thiền Trí (hai ngón cái) ngả dựa

_ Cài sáu Độ (sáu ngón) rồi che
Cái (ngón cái) đều vịn móng út (ngón út)

_Tiến Lực (hai ngón trỏ) Kim, ngang tim

_ Mở Tiến Lực (hai ngón trỏ) Đàn Tuệ (hai ngón cái)
Dựng út (ngón út), Tiến Lực (2 ngón trỏ) móc

_ Phộc, cái (ngón cái) vịn gốc út (ngón út)
Tiến Lực (2 ngón trỏ) trụ ở lưng

_ Phộc, dựng dựa Thiền Trí (2 ngón cái)

Ấn này giương ngang trán
Từ rốn, miệng, ngửa bung
Xoay múa chưởng ở Đỉnh
Do Phộc, bung bên dưới
Từ Phộc, ngửa mở hiến
_ Do Phộc, Thiền Trí (hai ngón cái) Kim

Giải Phộc, xoa lồng ngực

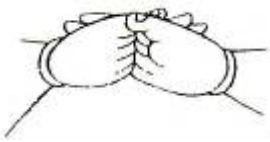

_ Do phộc, Tiến Lực (hai ngón trỏ) móc
Thiền (ngón cái phải) vào hổ khẩu Trí (ngón cái trái)
Bốn trên giao như vòng

_ Thiền Trí (hai ngón cái) vào chưởng, rung

Bốn Ấn rồi một Phộc
Tụng riêng mỗi Chân Ngôn
Các Chân Ngôn ấy là:

1_Tam ma dã, tát-đát-tông

SAMAYA STVAṂ

2_ A nẵng dã, tát-đát-phộc

ĀNAYA STVAṂ

3_ A hộc, tố khư

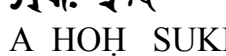

A HOḤ SUKHA

4_ Sa độ, sa độ

SĀDHU SĀDHU

5_ Tố ma hạ, tát-đát-tông

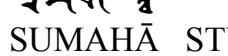

SUMAHĀ STVAṂ

6_ Lỗ bổ nễ-dữu đá

RŪPA-UDYOTA

7_ A tha bát-la để

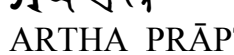

ARTHA PRĀPTI

8_ Hạ hạ hạ, hồng hác

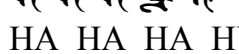

HA HA HA HŪṂ HAḤ

9_ Tát phộc ca lý

SARVA KĀRI

10_ Nậu khư thiết ná

DUḤKHA CCHEDA

11_ Một đà, mạo địa

BUDDHA BODHI

12_ Bát-la để xả tả ná

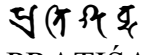

PRATIŚABDA

13_ Tố phộc thuỷ đát-tông

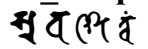

SUVAŚI TVAṂ

14_ Ninh lật-bà dã, đát-tông

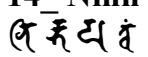

NIRBHĀYA TVAṂ

15_ Thiết đốt-lỗ bạc khất-xoa

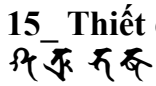

ŚATRŪ BHAKṢA

16_ Tát phộc tát địa

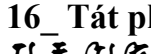

SARVA SIDDHI

(Trên đây là 16 Tôn)

1_ Ma hạ la để

MAHĀ-RATI

2_ Lỗ bá thú bệ

RŪPA-ŚOBHE

3_ Thú lỗ đát la tẩu khư dã

ŚOTRA- SAUKHYE

4_ Tát phộc bố nễ

SARVA-PŪJE

5_ Bát-la hạ la, nễ ninh

PRAHLA-DINI

6_ Bả la nga nhĩ

PHĀLA-GAMI

7_ Tố đế nhạ nghĩ lý

SUTEJA-AGRI

8_ Tố hiến đà, nghĩ
𑖯𑖼𑖯𑖿𑖦
SUGANDHA-AṄGI
(Phần trên là 8 Cúng Dường)

1_A dã hề, nhược
𑖀𑖬𑖿𑖨 𑖪
ĀYAHI JAḤ

2_ A hề, hồng hồng
𑖀𑖨 𑖧𑖧
ĀHI HŪṂ HŪṂ

3_ Hứ sa-phổ tra, tông
𑖨 𑖯𑖲 𑖩
HE – SPHOṬA – VAṂ

4_ Khư tra, ác ác
𑖜𑖲 𑖀𑖺 𑖀𑖺
GHAṂṬA _ AḤ AḤ
(Phần trên là 4 Nhiếp)

KIM CƯƠNG GIỚI ĐẠI NOA LA
TỲ LÔ GIÁ NA NHẤT THIẾT NHƯ LAI TỘC BÍ MẬT TÂM ĐỊA
ẤN CHÂN NGÔN – CÚNG DƯỜNG BỘ (Thứ Tư)

Kính lễ Tỳ Lô Tôn
Hay vì Tự Tại Vương
Diễn nói Cúng Dường Bộ
Cúng dường các Như Lai
Nên kết Kim Cương Phộc
Tướng Ấn Từ Tim khởi
Sơ (đầu tiên) kết **Biến Chiếu Tôn** (Vairocana-nātha)
Nghi Ấn của **Yết Ma** (Karma)

Chân Ngôn là:
"Án, tát phộc đát tha nga đá, phộc nhật-la đà đát-vị, nỗ đá la, bố nhạ, sa-phả la noa, tam ma duệ, hồng"

ॐ सर्व तथागत वज्रधृ अनुत्तर पूज स्फरण समये हुं

OṂ– SARVA-TATHĀGATA VAJRA-DHĀTVE ANUTTARA-PŪJA, SPHARAṆA SAMAYE HŪṂ.

Tiếp kết **Kim Cương Tát Đỏa Yết Ma Ấn** (Xúc Địa Thủ- tay chạm đất)

"Án, tát phộc đát tha nga đá, phộc nhật-la tát đát-phộc, nỗ đá la bố nhạ, sa-phả la noa, tam ma duệ, hồng"

ॐ सर्व तथागत वज्रसत्व अनुत्तर पूज स्फरण समये हूं

OṂ– SARVA-TATHĀGATA VAJRA-SATVA, ANUTTARA-PŪJA, SPHARAṆA SAMAYE HŪṂ.

Tiếp kết **Kim Cương Bảo Yết Ma Ấn** (Thí Nguyện Thủ: tay Thí Nguyện):

"Án, tát phộc đát tha nga đá, phộc nhật-la, la đát-nẵng, nỗ đá la bố nhạ, sa-phả la noa, tam ma duệ, hồng"

ॐ सर्व तथागत वज्ररत्न अनुत्तर पूज स्फरण समये हूं

OṂ– SARVA-TATHĀGATA VAJRA-RATNA, ANUTTARA-PŪJA, SPHARAṆA SAMAYE HŪṂ.

Tiếp kết **Kim Cương Pháp Yết Ma Ấn** (Pháp Định Thủ: tay pháp định):

"Án, tát phộc đát tha nga đá, phộc nhật-la đạt la-ma, nỗ đá la bố nhạ, sa-phả la noa, tam ma duệ, hồng"

ॐ सर्व तथागत वज्रधर्म अनुत्तर पूज स्फरण समये हूं

OṂ– SARVA-TATHĀGATA VAJRA-DHARMA, ANUTTARA-PŪJA, SPHARAṆA SAMAYE HŪṂ.

Tiếp kết **Kim Cương Nghiệp Yết Ma Ấn** (Tối Thượng Thủ –Tay Tối Thượng)

"Án, tát phộc đát tha nga đá, phộc nhật-la, ca la-ma, nỗ đá la bố nhạ, sa-phả la noa, tam ma duệ, hồng"

𑖌𑖼 𑖪𑖜𑖿𑖤 𑖪𑖾𑖟𑖪 𑖨𑖿𑖫𑖰𑖪𑖿𑖪 𑖀 𑖦𑖽 𑖧𑖀𑖝 𑖪𑖥𑖾𑖦

OṂ– SARVA-TATHĀGATA VAJRA-KARMA, ANUTTARA-PŪJA, SPHARAṆA SAMAYE HŪṂ.

Tiếp trên trái tim, **Kim Cương Phộc Mật Ngữ** là (Nhập Phộc Thủ 16)

"Án, tát phộc đát tha nga đá, tát phộc đát-ma, ninh lý-dã đá nẵng, bố nhạ, sa-phả la noa, ca la-ma phộc nhật-lý, Ác"

𑖌𑖼 𑖪𑖜𑖿𑖤 𑖪𑖾𑖟𑖪 𑖪𑖜𑖿𑖫 𑖀𑖪𑖰𑖪𑖿𑖪 𑖦𑖽 𑖧𑖀𑖝 𑖨𑖿𑖫𑖰𑖪𑖿𑖪 𑖀𑖨𑖾

OṂ_ SARVA-TATHĀGATA, SARVA-ATMA NIRYĀTANA PŪJA SPHARAṆA KARMA-VAJRI AḤ

_Hữu Hiếp (hông bên phải)

Mật ngôn là:

(*Theo sự khảo cứu của tôi thì Kinh Bản này bị thiếu xót và sai lệch thứ tự cúng dường, nên tôi bổ sung bằng phần Phạm Âm, còn phần nào có đủ cả hai âm dịch thì thuộc Kinh Bản này*)

𑖌𑖼 𑖪𑖜𑖿𑖤 𑖪𑖾𑖟𑖪 𑖪𑖜𑖿𑖫 𑖀𑖪𑖰𑖪𑖿𑖪 𑖦𑖽 𑖧𑖀𑖝 𑖪𑖥𑖿𑖨𑖾𑖦

OṂ_ SARVA-TATHĀGATA, SARVA-ATMA NIRYĀTANA PŪJA SPHARAṆA, KARMA-AGRI_ JAḤ

_ Tả Hiếp (hông bên trái)

Mật Ngôn là :

𑖌𑖼 𑖪𑖜𑖿𑖤 𑖪𑖾𑖟𑖪 𑖪𑖜𑖿𑖫 𑖀𑖪𑖰𑖪𑖿𑖪𑖬𑖿𑖨 𑖀𑖝 𑖥𑖽 𑖧𑖀𑖝 𑖪𑖥𑖾𑖦 𑖝𑖼 𑖧𑖼𑖦𑖾

OṂ – SARVA-TATHĀGATA, SARVA-ATMA NIRYĀTANA ANU RĀGAṆA, PŪJA SPHARAṆA KARMA-VĀṆA _ HOḤ

_Phía sau eo

Mật Ngôn là:

"Án, tát phộc đát tha nga đá, tát phộc đát-ma, sa độ ca la, bố nhạ, sa-phả la noa, ca la-ma, đố sắt-trí, sách"

𑖌𑖼 𑖦𑖨𑖪𑖟𑖪𑖟 𑖦𑖨𑖽𑖫 𑖨𑖚𑖪𑖪 𑖦𑖿 𑖏𑖨 𑖥𑖟𑖰𑖫 𑖏𑖨𑖫 𑖌𑖹𑖦𑖿

OṂ– SARVA-TATHĀGATA, SARVA-ATMA NIRYĀTANA, SĀDHU KĀRA PŪJA SPHARAṆA , KARMA-TUṢṬI – SAḤ

(Bản Kinh này ghi nhận Mật Ngôn này ở hông phải)

_ Trên vầng trán.

Mật Ngữ là:

"Án, nẵng mạc tát phộc đát tha nga đá, tỳ sái ca la đát-ninh tỳ-dụ, phộc nhật-la ma ni, án"

𑖌𑖼 𑖪𑖾𑖦𑖨𑖪𑖟𑖪𑖫𑖏𑖿 𑖨𑖦𑖿 𑖎𑖭𑖿

OṂ– NAMAḤ SARVA-TATHĀGATA ABHIṢEKA RATNEBHYAḤ VAJRA-MAṆI _ OṂ

_ Trên trái tim xoay chuyển như tướng xoay chuyển của mặt trời

Mật Ngữ là:

𑖌𑖼 𑖪𑖾𑖦𑖨𑖪𑖟 𑖬𑖭𑖿 𑖎𑖭𑖪𑖫𑖨 𑖒𑖨 𑖒𑖾

OṂ– NAMAḤ SARVA-TATHĀGATA SŪRYEBHYAḤ, VAJRA-TEJINI JVALA – HRĪḤ.

_ Trên đỉnh đầu

Mật Ngữ là:

"Án, nẵng mạc tát phộc đát tha nga đá, xả bá lý bố la noa, tức đá ma ni, đà-phộc nhạ, nghệ-lý tỳ-dụ, phộc nhật-la đà-phộc nhạ, nghĩ-lý, đát-lãm.

ॐ नमः सर्व तथागत अप्रति हत अशा परिपूर्ण चिन्तामणि ध्वज अग्रेभ्यो वज्र ध्वज अग्रि त्रां

OṂ– NAMAḤ SARVA-TATHĀGATA – AŚĀ-PARIPŪRṆA CINTĀMAṆI-DHVAJA AGREBHYO, VAJRA-DHVAJA AGRI – TRĀṂ

(Theo Bản Kinh này thì đây là Mật Ngữ trên trái tim)

_ Chỗ lúm đồng tiền trên miệng, giải tán

Mật Ngữ là:

"Án, nẵng mạc tát phộc đát tha nga đá, ma hạ tất-lý để, bát-la mô nễ-dã, ca lê tỳ dụ, phộc nhật-la, ha tế, hác"

ॐ नमः सर्व तथागत महा प्रीति प्रमोद्य कारेभ्यः वज्र हासे हः

OṂ– NAMAḤ SARVA-TATHĀGATA MAHĀ-PRĪTI PRAMODYA KĀREBHYAḤ VAJRA-HĀSE_ HAḤ.

_Trên miệng

Mật Ngữ là:

"Án, tát phộc đát tha nga đá, phộc nhật-la đạt la-ma đá, tam ma địa tích, tát-đát nỗ nhĩ ma hạ đạt la-ma nghĩ lý, hộ-lý-dĩ"

ॐ सर्व तथागत वज्र धर्मता समाधिभ्यः स्तोमि महा धर्म अग्रि ह्रीः

OṂ– SARVA-TATHĀGATA-VAJRA-DHARMATĀ SAMĀDHIBHYAḤ STUTOMI, MAHĀ-DHARMA-AGRI – HRĪḤ.

Tai bên phải (Bản khác ghi là tai bên trái)

Mật Ngữ là:

"Án, tát phộc đát tha nga đá, bát-la nhạ noa, bá la nhĩ đá, tị ninh la-hạ lại, tát-đỏ nỗ nhĩ, ma hạ cụ sái, nỗ nghê, đạm"

ॐ सर्व तथागत प्रज्ञा पारमिता अभिनिर्हारे स्तोमि महा घोष अनुगे धम

OṂ– SARVA-TATHĀGATA-PRAJÑA-PĀRAMITA ABHINIRHĀRE STUTOMI, MAHĀ-GHOṢA ANUGE – DHAṂ.

Tai bên trái (Bản khác ghi là tai bên phải)

Mật Ngữ là:

"Án, tát phộc đát tha nga đá, tác yết-la khất-xoa la, bá lý phộc lật-đá nẵng, tát phộc tố đát-lãm, đát nẵng dã duệ, tát-đổ nổ nhĩ, tát phộc mạn noa la, hồng"

ॐ सर्व तथागत चक्र अक्षर परिवर्तन सर्व सूत्रं सनायये स्तुतोमि सर्वमण्डल हूँ

OṂ– SARVA-TATHĀGATA-CAKRA-AKṢARA PARIVARTTANA SARVA SŪTRAṂ SANĀYAYE STUTOMI , SARVA-MAṆḌALA – HŪṂ

_ Phía sau đỉnh

Mật Ngữ là:

"Án, tát phộc đát tha nga đá, tán đà bạc sái, một đà tăng nghĩ để tị, nga nam, tát-đổ nổ nhĩ, phộc nhật-la phộc tế, tác"

ॐ सर्व तथागत संधा भाषा बुद्ध संगीतिभ्यः गादं स्तुतमे वज्र वाचे चः

OṂ– SARVA-TATHĀGATA-SAṂDHĀ-BHĀṢA, BUDDHA SAṂGĪTIBHYAH GĀDAṂ STUTOMI, VAJRA-VĀCE – CAḤ.

_ **Hương** (Dhūpa: Thiêu Hương), trên đỉnh

Mật Ngữ là:

"Án, tát phộc đát tha nga đá, độ bá, minh già, tam mẫu nại-la, sa-phả la noa, bố nhạ ca la-nhĩ , ca la, ca la"

ॐ सर्व तथागत धूप मेघ समुद्र स्फरण पूजा कर्मे कर करः

OṂ– SARVA-TATHĀGATA-DHŪPA-MEGHA-SAMUDRA SPHARAṆA PŪJA KARME KARA – KARAḤ

_ **Hoa** (Puṣpa) trên vai phải

Mật Ngữ là:

"Án, tát phộc đát tha nga đá, bổ sắt-bả, bát-la ma la, sa-phả la noa, bố nhạ, yết la-nhĩ, chỉ lị, chỉ lị.

𑖌𑖼𑖨 𑖪𑖟𑖨𑖪 𑖥𑖢𑖬𑖨 𑖦𑖿𑖩𑖲𑖯 𑖧𑖼𑖫𑖨 𑖨𑖼𑖫𑖨

OṂ– SARVA-TATHĀGATA-PUṢPA PRAMĀLA SPHARAṆA PŪJA KARME KIRI_ KIRIḤ.

_ Đăng (Àloka:đèn) trên đùi phải

Mật Ngữ là:

"Án, tát phộc đát tha nga đá, lộ ca nhập-phộc la, sa-phả la noa, bố nhạ, yết la-nhĩ, bà la, bà la.

𑖌𑖼𑖨 𑖪𑖟𑖨𑖪𑖟𑖮𑖨 𑖧𑖼𑖫 𑖦𑖿𑖩𑖲𑖯 𑖧𑖼𑖫𑖨 𑖪𑖿 𑖪𑖿

OṂ– SARVA-TATHĀGATA-ALOKA-JVALA SPHARAṆA PŪJA KARME BHARA_ BHARAḤ.

_ Đồ (Gandha: hương xoa bôi) trên trái tim

Mật Ngữ là:

"Án, tát phộc đát tha nga đá, ngạn đà, minh già, tam mẫu nại-la, sa-phả la noa, bố nhạ, yết la-nhĩ cụ lỗ, cụ lỗ.

𑖌𑖼𑖨 𑖪𑖟𑖨𑖪 𑖨𑖽 𑖰𑖬 𑖰𑖽𑖮 𑖦𑖿𑖩𑖲𑖯 𑖧𑖼𑖫𑖨 𑖩𑖿 𑖩𑖿

OṂ – SARVA-TATHĀGATA-GANDHA MEGHA-SAMUDRA SPHARAṆA PŪJA KARME KURU_ KURAḤ.

Tiếp kết **Tán Hoa Khế**

Quán sát ở mười phương
Nói: *Nay con Khuyến Thỉnh*
Chư Phật chuyển Pháp Luân
Lại nên tác niệm này
Nay Chiêm Bộ Châu này
Cùng với mười phương Giới
Người Trời, ý sinh hoa
Hoa trên bờ dưới nước
Đều cầm hiến mười phương

Tất cả Đại Bồ Tát
Các quyến thuộc trong Bộ
Khế, Minh, Mật, chư Thiên
Con vì cúng dường khắp
Tất cả các Như Lai
Để tác làm sự nghiệp
Mật Ngữ là:

"**Án, tát phộc đát tha nga đá, bổ sắt-ba, bố nhạ, mính già, tam mẫu nại-la, sa-phả la noa, tam ma duệ, hồng".**

𑖌𑖼𑖨 𑖪𑖕𑖟𑖪 𑖥𑖢𑖥𑖿 𑖨𑖘 𑖨𑖿𑖫𑖮 𑖧𑖿𑖦 𑖨𑖨𑖒 𑖤𑖾

OṂ– SARVA-TATHĀGATA PUṢPA-PŪJA-MEGHA-SAMUDRA SPHARAṆA SAMAYE HŪṂ

Lại kết **Thiêu Hương Khế**

Rồi tác suy tư này
Hương Bản Thể Người Trời
Hương hoà hợp, biến dịch
Vì Như Lai Yết Ma
Nay con đều phụng hiến

[ND: Phần Mật Ngữ lại ghi nhầm Mật Ngữ của Đồ Hương Khế và thiếu mất phần Thiêu Hương này – Nay tôi xin bổ sung như sau:

Mật Ngữ là: "**Án, tát phộc đát tha nga đá, độ bá bố nhạ minh già, tam mẫu nại-la, sa-phả la noa, tam ma duệ, hồng"**

𑖌𑖼𑖨 𑖪𑖕𑖟𑖪 𑖡𑖨 𑖥𑖢𑖥𑖿 𑖨𑖘 𑖨𑖿𑖫𑖮 𑖧𑖿𑖦 𑖨𑖨𑖒 𑖤𑖾

OṂ– SARVA-TATHĀGATA-DHŪPA PŪJA-MEGHA-SAMUDRA SPHARAṆA SAMAYE HŪṂ

Lại kết **Đồ Hương Khế**

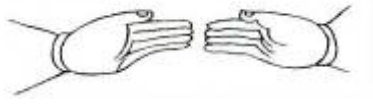

Rồi tác suy tư này
Hương Bản Thể Người Trời
Hương hoà hợp biến dịch
Hương sai khác như vậy
Vì Như Lai Yết Ma
Nay con đều phụng hiến]

Mật Ngữ là:

"**Án, tát phộc đát tha nga đá, hiến đà, bố nhạ, minh già, tam mẫu nại-la, sa-phả la noa, tam ma duệ, hồng**"

𑖌𑖼 𑖪𑖿𑖨𑖪 𑖨𑖾 𑖧𑖿𑖚 𑖨𑖿𑖫 𑖨𑖿𑖪𑖽𑖟 𑖧𑖿𑖝 𑖨𑖨𑖫 𑖤𑖼

OṂ– SARVA-TATHĀGATA-GANDHA PŪJA-MEGHA-SAMUDRA SPHARAṆA SAMAYE HŪṂ

Tiếp kết **Đăng Khế** xong

Rồi tác suy tư này

Bản Thể Người Trời sinh
Với Quang Minh sai biệt
Vì tác làm sự nghiệp
Nay con đều phụng hiến

Mật Ngữ là**:**

"Án, tát phộc đát tha nga đá, nễ bá, bố nhạ, minh già, tam mẫu nại-la, sa-phả la noa, tam ma duệ, hồng"

𑖌𑖼 𑖪𑖿𑖨𑖪 𑖨𑖾 𑖤𑖽𑖨 𑖧𑖿𑖚 𑖨𑖿𑖫 𑖨𑖿𑖪𑖽𑖟 𑖧𑖿𑖝 𑖨𑖨𑖫 𑖤𑖼

OṂ – SARVA-TATHĀGATA-DĪPA PŪJA-MEGHA-SAMUDRA SPHARAṆA SAMAYE HŪṂ

Tam Muội Gia Bảo Khế

Nên tác niệm như vậy

Giới này với Giới khác
Núi báu, các loại báu
Trong đất và trong biển
Đem tất cả cúng dường
Vì Như Lai Yết Ma
Nay con đều phụng hiến

Nên tụng Mật Ngữ này

Mật Ngôn là:

"**Án, tát phộc đát tha nga đá, mạo đình-diễm nga, la đát-nẵng, lăng ca la, bố nhạ, minh già, tam mẫu nại-la, sa-phả la noa, tam ma duệ, hồng"**

𑖌𑖼 𑖪𑖿𑖨𑖪 𑖨𑖾 𑖩𑖾𑖫𑖿𑖝 𑖃𑖨𑖿𑖫𑖿𑖚 𑖧𑖿𑖚 𑖨𑖿𑖫 𑖨𑖿𑖪𑖽𑖟 𑖧𑖿𑖝 𑖨𑖨𑖫 𑖤𑖼

OṂ– SARVA-TATHĀGATA BODHYAṂGA RATNA-ALAṂKĀRA PŪJA-MEGHA-SAMUDRA SPHARAṆA SAMAYE HŪṂ

Tiếp kết **Hy Hý Khế**

Nên tác suy tư này

Hết thảy của Người Trời
Mọi thứ, sự chơi đùa

Cười vui, đồ kỹ nhạc
Đều đem cúng dường Phật
Vì tác làm sự nghiệp
Nay con sẽ phụng hiến
Phộc: cái vịn gốc út
Tiến Lực (hai ngón trỏ) trụ trên lưng

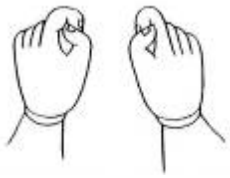

Mật Ngữ là:
"**Án, tát phộc đát tha nga đá, hạ tả la tả, chỉ-lý noa, la để, tảo xí-dã, nỗ đá la, bố nhạ, minh già, tam mẫu nại-la, sa-phả la noa, tam ma duệ, hồng**"

𑖌𑖼 𑖪𑖽𑖨𑖿𑖦 𑖪𑖿𑖟𑖨𑖿𑖦 𑖦𑖿𑖭𑖿𑖭 𑖦𑖿𑖭𑖿𑖭 𑖦𑖿𑖭𑖿𑖭 𑖪𑖽

Nên tác suy tư này
Ở trong Tạng Hư Không
Hết thảy các Như Lai
Con đều xin thừa sự
Tưởng trước mỗi vị Phật
Đều có thân của Ta
Luôn gần gũi phụng thừa
Nên tụng Mật Ngữ này
Chân Ngôn là:
"**Án, tát phộc đát tha nga đá, ca dã ninh lý-dã đá nẵng, bố nhạ, mính già, tam mẫu nại-la, sa-phả la noa, tam ma duệ, hồng**"

OṂ– SARVA-TATHĀGATA-KĀYA NIRYĀTANA PŪJA-MEGHA-SAMUDRA SPHARAṆA SAMAYE HŪṂ

Đạt Ma Tam Muội Gia (Dharma-samaya)

Nên tác suy tư này
Nay con ở thân này
Cùng các hàng Bồ Tát
Quán được Thực Tính Pháp
Bình Đẳng không sai khác
Đã tác không có khác
Nên tụng Mật Ngôn này
Mật Ngữ là:
"**Án, tát phộc đát tha nga đá, tức đá, ninh lý-dã đát nẵng, bố nhạ, minh già, tam mẫu nại-la, sa-phả la noa, tam ma duệ, hồng**"

OṂ– SARVA-TATHĀGATA-CITTA NIRYĀTANA PŪJA-MEGHA-SAMUDRA SPHARAṆA SAMAYE HŪṂ

Bảo Tràng Tam Muội Gia (Ratna-ketu-samaya)

Nên quán: *Trong sinh tử*
Tất cả loại chúng sinh
Bị khổ não ràng buộc

Vì nặng lòng thương xót
Nay con sẽ cứu hộ
Và hộ tâm Bồ Đề
Kẻ chưa độ khiến độ
Kẻ chưa an khiến an
Đều khiến được Niết Bàn
Với tuôn mưa mọi báu
Khiến mãn túc mong cầu
Tác suy tư ấy xong
Nên tụng Mật Ngôn này
Mật Ngữ là**:**

"Án, tát phộc đát tha nga đá, ma hạ phộc nhật-lỗ ná-bà phộc, ná-nẵng, bá la nhĩ đa, bố nhạ, minh già, tam mẫu nại-la, sa-phả la noa, tam ma duệ, hồng"

ॐ सर्व तथागत महा वज्रोद्भव दान पारमिता पूजा मेघ समुद्र स्फरण समये हूँ

OṂ_ SARVA-TATHĀGATA MAHĀ-VAJRA-UDBHAVA DĀNA-PĀRAMITĀ PŪJA-MEGHA-SAMUDRA SPHARAṆA SAMAYE HŪṂ

Tiếp kết **Hương Thân Khế**
Tam Muội Gia Đồ Hương

Rồi tác suy tư này
Nguyện tất cả chúng sinh
Các Bất Thiện ba Nghiệp
Nguyện thảy đều mau lìa
Tất cả các Pháp lành
Nguyện thảy đều thành tựu
Nên tụng Mật Ngôn này
Mật Ngữ là:

"**Án, tát phộc đát tha nga đá, nỗ đá la, ma hạ mạo địa-dã, hạ la ca, thí la bá la nhĩ đá, bố nhạ, minh già, tam mẫu nại-la, sa-phả la noa tam ma duệ, hồng"**

ॐ सर्व तथागतोत्तर महा बोध्य हारक शील पारमिता पूजा मेघ समुद्र स्फरण समये हूँ

OṂ– SARVA-TATHĀGATA, ANUTTARA, MAHĀ-BODHYA HĀRAKA ŚĪLA-PĀRAMITĀ PŪJA-MEGHA-SAMUDRA SPHARAṆA SAMAYE HŪṂ

Kết **Yết Ma Xúc Địa** (chạm mặt đất)

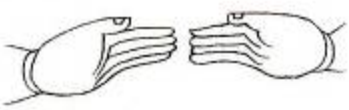

Lại nên tác niệm này
Nguyện tất cả chúng sinh
Tâm Từ không não hại
Mau lìa các sợ hãi

Nhìn nhau tâm vui vẻ
Các tướng tốt trang nghiêm
Thành Pháp Tạng thâm sâu
Nên tụng Chân Ngôn này
Mật Ngữ là**:**

"Án, tát phộc đát tha nga đá, nỗ đá la, ma hạ đạt la-ma, phộc, mạo đạt, khất-sản để, bá la nhĩ đá, bố nhạ, minh già, tam mẫu nại-la, sa-phả la noa, tam ma duệ, hồng"

𑖌𑖾𑖨 𑖪𑖜𑖿𑖤𑖢𑖪𑖿𑖨 𑖨𑖿𑖩𑖪 𑖪 𑖢𑖪 𑖨𑖿𑖪𑖜𑖿𑖨𑖟𑖿𑖨𑖪 𑖦𑖿𑖫 𑖨𑖿𑖩𑖪 𑖨𑖿𑖫𑖿𑖫 𑖨𑖿𑖨𑖟𑖿𑖨𑖪 𑖦𑖿𑖫 𑖨𑖿𑖩𑖪 𑖨𑖿𑖫𑖿𑖫

OṂ- SARVA-TATHĀGATA ANUTTARA MAHĀ-DHARMA VA BODHA, KṢĀNTI-PĀRAMITĀ PŪJA-MEGHA-SAMUDRA SPHARAṆA SAMAYE HŪṂ

Đấu Thắng Tinh Tiến khế
Tam Muội Gia Giáp Trụ

Nên tác suy tư này
Nguyện tất cả chúng sinh
Bậc hành Hạnh Bồ Tát
Mặc giáp trụ bền chắc
Mật Ngữ là:

"**Án, tát phộc đát tha nga đá, tăng sa la, bá lý để-dã nga, nỗ đá la, ma hạ vĩ lý-dã, bá la nhĩ đá, bố nhạ, minh già, tam mẫu nại-la, sa-phả la noa, tam ma duệ, hồng"**

𑖌𑖾𑖨 𑖪𑖜𑖿𑖤𑖢 𑖩𑖪𑖿𑖨𑖟𑖿𑖨𑖪𑖿𑖤𑖢𑖪𑖿𑖨𑖪 𑖨𑖿𑖩𑖪 𑖥𑖿𑖫𑖿𑖨𑖟𑖿𑖨𑖪𑖿𑖢𑖦𑖿𑖫 𑖨𑖿𑖫𑖿𑖫 𑖨𑖿𑖨𑖟𑖿𑖨𑖪 𑖦𑖿𑖫 𑖨𑖿𑖩𑖪 𑖨𑖿𑖫𑖿𑖫

OṂ SARVA-TATHĀGATA, SAṂSĀRA APARITYĀGA ANUTTARA MAHĀ-VĪRYA-PĀRAMITĀ PŪJA-MEGHA-SAMUDRA SPHARAṆA SAMAYE HŪṂ

Kết **Tam Ma Địa Khế**
Hoa Phương Phật Yết Ma

Nên tác suy tư này
Nguyện tất cả chúng sinh
Điều phục nơi Phiền Não
Tùy Phiền Não, oán thù
Được Thiền Định thâm sâu
Rồi tụng Mật ngữ này
Mật Ngữ là**:**

"Án, tát phộc đát tha nga đá, nỗ đá la, ma hạ tảo xí-dã, vĩ hạ la, địa-dã nẵng, bá la nhĩ đá, bố nhạ, minh già, tam mẫu nại-la, sa-phả la noa, tam ma duệ, hồng"

𑖌𑖾𑖥 𑖪𑖜𑖿𑖦𑖪𑖾𑖫𑖿𑖪𑖾𑖫𑖿 𑖥𑖪𑖿𑖦𑖾𑖫𑖿 𑖧𑖿𑖨

Không, Vô Tướng, Vô Tác
Các Pháp đều như vậy
Quán xong tụng Mật Ngôn
Mật Ngữ là:
"**Án, tát phộc đát tha nga đá, ngu hê-dã, ma hạ bát-la để bá để, bố nhạ, minh già, tam mẫu nại-la, sa-phả la noa, tam ma duệ, hồng**"

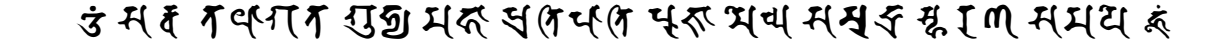

OṂ– SARVA-TATHĀGATA-GUHYA, MAHĀ-PRATIPĀTI, PŪJA-MEGHA-SAMUDRA SPHARAṆA SAMAYE HŪṂ

Tiếp nên hợp móng ngón
Rồi tác suy tư là:
Hai tay Kim Cương Quyền
Tiến Lực (hai ngón trỏ) Thiền Trí (hai ngón cái) ***miệng***

Nay lời con nói ra
Nguyện tất cả chúng sinh
Thảy đều khiến được nghe
Tụng Bí Mật Ngôn này
Mật Ngôn là:
"An, tát phộc đát tha nga đá, phộc chỉ-dã, ninh lý-dã đát nẵng, bố nhạ, minh già, tam mẫu nại-la, sa-phả la noa, tam ma duệ, hồng"

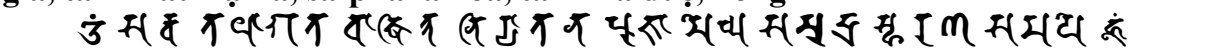

OṂ– SARVA-TATHĀGATA-VĀK-CITTA NIRYĀTANA PŪJA-MEGHA-SAMUDRA SPHARAṆA SAMAYE HŪṂ

Như vậy rộng làm Phật Sự xong
Tiếp nên thành tâm mà niệm tụng
Chúng Hội, quyến thuộc tự vây quanh
Trụ ở Viên Tịch Đại Kính Trí
Nên kết **Kim Cương Tam Muội Gia**

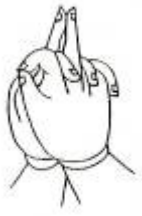

Rồi tụng **Kim Cương Bách Tự Minh**
Tiếp tụng **Kim Cương Tát Đỏa Minh**
Ba biến, năm biến hoặc bảy biến
Chân Ngôn là:
"**An, phộc nhật-la tát đát-phộc, tam ma dạ, ma nỗ bát la dã, phộc nhật-la tát đát-phộc đát vị nỗ bá để sắt xá, niết lị trà minh bà phộc, tố đố sắt dục ninh bà phộc, a nỗ la ngật đố ninh bà phộc, tố bà sắt dục ninh bà phộc tát phộc tát trẫm ninh bà phộc, bát la dã tha, tát phộc yết ma tố tả, minh, tức đá, thất-lý dược, câu**

lễ, hồng, ha ha, ha ,ha, hộc- bà nga tông, tát phộc đát tha nga đá, phộc nhật-la, ma, minh, muộn tả, phộc nhật-la bà phộc, ma hạ tam ma dã, tát đát-phộc, Ac.

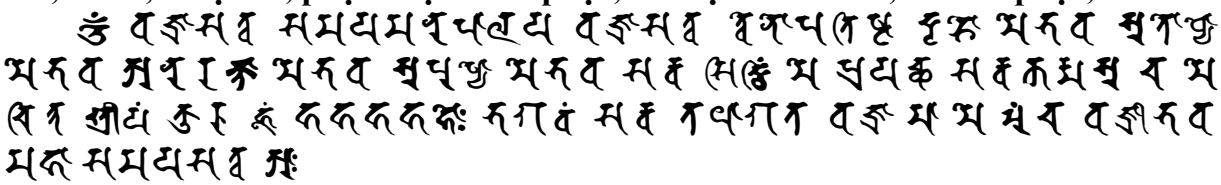

OṂ–VAJRA-SATVA SAMAYAM ANUPĀLAYA – VAJRA-SATVA TVENA UPATIṢṬA – DṚḌHO ME BHAVA- SUTOṢYO ME BHAVA- ANURAKTO ME BHAVA- SUPUṢYO ME BHAVA _ SARVA SIDDHIṂ ME PRAYACCHA SARVA KARMASU CA ME CITTA ŚRĪYAṂ KURU HŪṂ_ HA HA HA HA HOḤ – BHAGAVAṂ– SARVA TATHĀGATA VAJRA, MĀ ME MUṂCA _VAJRĪ BHAVA_ MAHĀ-SAMAYA-SATVA_ ĀḤ.

Tiếp nên dâng tràng hạt
Tụng Chân Ngôn bảy biến
Lại dùng Câu Gia Trì
Như Pháp mà gia trì
Ngồi thẳng như Nghi Tắc
Nên dùng Kim Cương Ngữ
Một ngàn hoặc một trăm
Tuỳ ý mà niệm tụng
Chân Ngôn là**:**
"Án, phộc nhật-la, tát đát-phộc"

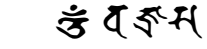

OṂ– VAJRA-SATVA

Hai vũ (2 tay) nâng tràng hạt
Bản Chân Ngôn bảy biến
Nâng đến đỉnh và tim
Ngàn chuyển dùng gia trì
Chân Ngôn là:
"**Án, Phộc nhật-la ngu hê-dã, nhạ bá, tam ma duệ, hồng"**

OṂ– VAJRA-GUHYA-JĀPA SAMAYE HŪṂ

Đã gia trì chuỗi xong
Trụ **Đẳng Dẫn** (Samāhita) mà tụng
Chẳng động mạnh đầu lưỡi
Môi răng cùng ngậm kín
Thành tựu các Mật Giáo
Kim Cương Ngữ lìa tướng
Theo thân quán tướng tốt
Bốn thời chẳng gián đoạn
Trăm ngàn làm hạn định
Lại nữa vượt hơn đây
Thần Thông và Phước Trí
Thấy đời đồng **Tát Đỏa**
Niệm tụng hạn định xong

Nâng chuỗi, phát Đại Nguyện

_ Kết **Tam Ma Địa Khế**

Vào Tam Muội Pháp Giới

_ Hành Giả rời Tam Muội
Liền kết Căn Bản Ấn
Niệm Bản Minh bảy biến

_ Lại kết tám Cúng Dường
Dùng diệu âm tán thán
Hiến nước thơm **Át Già** (Argha)

Dùng **Giáng Tam Thế Ấn**

Chuyển trái mà Giải Giới

_ Tiếp kết **Tam Muội Quyền**

Một tụng rồi đẩy mở

_ Tiếp kết **Yết Ma Quyền**

Ba tụng, ba (3 lần) mở tay
Từ mỗi mỗi sinh ra

Hết thảy tất cả Ấn
Nơi mỗi mỗi nên hiểu
Do Chân Ngôn Tâm này

Chân Ngôn là:
"**Án, phộc nhật-la, mục khất-xoa, mục"**
ཨོཾ བཛྲ སྨུཁ སྨུཿ
OṂ– VAJRA-MUKṢA MUḤ

Tiếp kết **Phụng Tống Ấn**
Hai vũ (2 tay) Kim Cương Phộc
Nhẫn Nguyện (2 ngón giữa) như cánh sen
Đầu ngón để hoa mùa

Tụng xong ném lên trên
Tác Phụng Tống Thánh Chúng
Chân Ngôn là:
"**Án, cật-lý đố phộc, tát phộc tát đát-phộc, la-tha, tất đệ ná đá, dã tha, nỗ nga nghiệt tha đà tông, một đà vĩ sái dã, bố nẵng la nga, ma nẵng dã đỗ. An, phộc nhật-la tát đát-phộc, mục khất-xoa, mục"**
ཨོཾ ཀྲྀཏོ་ཝཿ སརྦ་སཏྭ་ཨརྠ སིདྡྷིརྡད་ཏཱ ཡཐཱ་ཨནུ་གཙྪ་ཏྷཾ བུདྡྷ་ཝི་ཥཡཾ པུ་ནརཱ་གམ་ནཱ་ཡ་ཏུ ཨོཾ བཛྲ་སཏྭ སྨུཁ སྨུཿ
OṂ– KRTOVAḤ SARVA SATVA-ARTHA SIDDHIRDATTA YATHA ANUGĀGACCHATHAṂ BUDDHA-VIṢAYAṂ PUNARĀGAMANĀYATU – OṂ_ VAJRA-SATVA MUKṢA MUḤ.

_Tiếp nên kết **Bảo Ấn**
Hai vũ (2 tay) Kim Cương Phộc
Tiến Lực (hai ngón trỏ) như hình báu
Thiền Trí (hai ngón cái) cũng lại thế

Tướng Ấn từ tim khởi
Đặt ở nơi quán đỉnh
Chia tay như cột Man (vòng hoa)

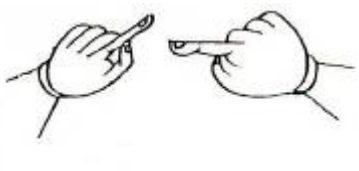

Tiếp kết **Giáp Trụ Ấn**

Chân Ngôn là**:**

"Án, phộc nhật-la, la đát-nẵng, tị săn tả hàm, tát phộc mẫu ná-lam ninh, niết-lý trĩ, câu lỗ, phộc nhật-la, ca phộc tả nẵng, tông_ Án, châm"

ཨོཾ བཛྲ་ར་ཏྣ་ཨ་བྷི་ཥིཉྩ་མཱཾ་ སརྦ་མུདྲཱ་ མེ་དྲྀ་ཌྷི་ཀུ་རུ་ བཛྲ་ཀ་ཝཙེ་ན་ ཝཾ་ ཨོཾ་ ཏུཾ

OṂ – VAJRA-RATNA ABHIṢIṂCA MĀṂ_ SARVA MUDRA ME DṚḌHI KURU, VAJRA-KAVĀCENA – VAṂ _OṂ ṬUṂ

Tiếp kết **Bị Giáp** xong
Ngang chưởng vỗ ba lần

Khiến Thánh Chúng vui vẻ
Dùng Tâm Chân Ngôn này
Giải Phộc được hoan hỷ
Đắc được Thể Kim Cương
Chân Ngôn là:
"**An, phộc nhật-la, đổ sắt-dã, hộc".**
ཨོཾ བཛྲ་ཏུཥྱ ཧོཿ
OṂ– VAJRA TUṢYA HOḤ

Phụng Tống Thánh Chúng xong
Nên kết **Gia Trì Khế**

Tụng Minh gia bốn nơi
Quán Đỉnh, mặc Giáp Trụ
Lại làm Nghi **Phách Ấn** (Ấn vỗ tay)

Như trước lễ bốn Phật
Sám Hối và Phát Nguyện
Sau đó y **Nhàn Tĩnh** (Araṇya)
Dâng hương hoa nghiêm sức
Trụ ở **Tam Ma Địa** (Samādhi)
Đọc tụng Điển **Đại Thừa** (Mahā-yāna)
Tuỳ ý mà **Kinh Hành** (Caṅkramana)

KIM CƯƠNG ĐỈNH
NHẤT THIẾT NHƯ LAI CHÂN THẬT NHIẾP ĐẠI THỪA
HIỆN CHỨNG ĐẠI GIÁO VƯƠNG KINH
QUYỂN HẠ (Hết)

Hiệu chỉnh xong một Bộ gồm hai quyển vào ngày 23/11/2010